

## **LỜI NÓI ĐẦU**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, hàng năm tổng kinh phí ngân sách chi cho lĩnh vực này chiếm khoảng 80% vốn đầu tư cả nước.

Sản xuất của ngành không chỉ là những công trình mang ý nghĩa quan trọng mang giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài có giá trị kinh tế cao mà nó còn thể hiện về mặt thẩm mỹ nghệ thuật cao. Đó là phong cách lối sống bản sắc của một dân tộc đồng thời mang tính văn hoá xã hội.

Trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay đang thực hiện bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế nền kinh tế thị trường nhiều thành phần nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ. Vì vậy việc hoàn thiện, cải tiến hiện đại hoá cơ sở hạ tầng sao cho phù hợp trong thực tế là một đòi hỏi bức thiết ở khắp mọi nơi trên toàn lãnh thổ, điều này không chỉ có ý nghĩa khối lượng của ngành xây dựng cơ bản tăng lên mà song song với nó là số vốn đầu tư xây dựng cơ bản cũng tăng lên. Vấn đề đặt ra là làm sao cho phù hợp trong thực tế là việc quản lý và sử dụng vốn một cách có hiệu quả khắc phục tình trạng lãng phí thất thoát trong công tác sản xuất kinh doanh xây lắp phải trải qua nhiều giai đoạn (thiết kế lập dự án thi công nghiệm thu ...) trong một thời gian dài.

Trong xây dựng cơ bản việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành là một thành phần cơ bản của công tác kế toán. Đối với các doanh nghiệp xây lắp nói riêng và xã hội nói chung công tác này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Với chính doanh nghiệp việc hạch toán tốt công tác này sẽ làm cơ sở để giám sát hoạt động, để từ đó khắc phục tồn tại và phát triển trong cơ chế hạch toán kinh doanh của nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay. Với nhà nước công tác hạch toán kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp xây lắp là cơ sở để nhà nước kiểm soát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thu thuế.

Nhận thức đúng vai trò của hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty em xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “**công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**”. Với mục tiêu tiếp cận thực tế, đi sâu vào nghiên cứu công tác tổ chức kế toán tại công ty, từ quá trình phân tích đó để xem xét đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra những kiến nghị về phương hướng hoạt động, biện pháp giải quyết các tồn tại của công ty.

Đề tài nghiên cứu nội dung gồm 3 chương:

**Chương 1: Lí luận chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp**

**Chương 2: Thực trạng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền.**

**Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.**

Trong quá trình thực tập tại công ty, mặc dù đã rất cố gắng xong chưa có kinh nghiệm cũng như thời gian thực tập không nhiều nên bản báo cáo này của em không tránh khỏi những tồn tại thiếu sót. Và ngoài ra trong quá trình học ở nhà trường chưa được nghiên cứu sâu về doanh nghiệp xây lắp nên còn nhiều vấn đề thiếu sót. Bởi vậy em rất mong muốn và xin chân thành tiếp thu những chỉ bảo quý báu của các thầy cô đặc biệt là thầy Chúc Anh Tú để em hoàn thiện bài báo cáo này.

**Sinh viên thực hiện**

# **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**

## **1.1 - Đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp**

### **1.1.1- Đặc điểm của hoạt động kinh doanh xây lắp**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất độc lập có chức năng tạo ra những cơ sở vật chất chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Trong đó các doanh nghiệp xây lắp đóng vai trò mang tính chất quyết định mà đặc biệt là các doanh nghiệp xây lắp nhận thầu. sản phẩm xây lắp có đặc điểm riêng biệt và khác với các sản phẩm thuộc ngành sản xuất còn lại và được thể hiện ở các điểm cơ bản sau đây:

- Sản phẩm xây lắp là các công trình vật kiến trúc... có quy mô lớn , kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc thời gian sản xuất sản phẩm lâu dài. Vì vậy doanh nghiệp nhất thiết phải lập dự toán bao gồm cả dự toán thiết kế và dự toán thi công. Trong quá trình thực hiện phải đối chiếu với dự toán.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc theo giá thoả thuận với chủ đầu tư.

- Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất và các điều kiện của quá trình sản xuất như người lao động, máy móc thi công, thiết bị thi công sẽ phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này khiến cho công tác quản lý, sử dụng gặp nhiều khó khăn, việc hạch toán vật tư, tài sản, tiền vốn phức tạp...

- Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Vì vậy quá trình thi công sẽ được chia ra làm nhiều giai đoạn ứng với từng hạng mục công trình. Các giai đoạn công việc này thường diễn ra ngoài trời và chịu tác động rất lớn của các nhân tố môi trường như nắng, mưa...Do đó cần quản lý chặt chẽ giám sát thường xuyên, đôn đốc kịp thời để công trình đảm bảo đúng tiến độ.

### **1.1.2- Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

Việc tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm là mục tiêu của tất cả các doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp xây lắp để đảm bảo mỗi công trình, khối lượng công việc hoàn thành phải mang lại một mức lãi tối thiểu do đó yêu cầu đặt ra với công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp là phải:

- Phân loại chi phí theo từng tiêu thức hợp lý như phân loại theo yếu tố chi phí kết hợp với phân loại theo khoản mục trong giá thành để nắm được nguyên nhân tăng giảm của từng yếu tố trong các khoản mục để có kế hoạch điều chỉnh.

- Mỗi công trình đều phải lập dự toán chi tiết theo từng khoản mục, từng yếu tố chi phí, theo từng loại vật tư tài sản.

- Thường xuyên đối chiếu chi phí thực tế với dự toán để tìm nguyên nhân vượt chi so với dự toán và có hướng khắc phục.

### **1.1.3- Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp nên việc quản lý về đầu tư và xây dựng là một quá trình khó khăn và phức tạp trong đó tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm là mục tiêu hết sức quan trọng của doanh nghiệp.

Chính vì thế mà nhiệm vụ chủ yếu đặt ra cho công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp là: xác định hợp lý đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thoả mãn yêu cầu quản lý đặt ra, vận dụng các phương pháp tính giá thành và phương pháp kế toán theo một trình tự hợp lý, tính toán chính xác, đầy đủ, kiểm tra các khâu hạch toán như tiền lương, vật liệu, TSCĐ, xác định số liệu cần thiết cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

Cụ thể cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phải phản ánh đầy đủ, chính xác kịp thời toàn bộ chi phí thực tế phát sinh.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, lao động, sử dụng máy thi công và các dự toán chi phí khác. Phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các khoản chi phí khác ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại, mất mát, hư hỏng... trong sản xuất để có những biện pháp ngăn chặn kịp thời.

- Tính toán chính xác và kịp thời giá thành của sản phẩm xây lắp các sản phẩm và lao vụ hoàn thành của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình, vạch ra khả năng và các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý và hiệu quả.

- Xác định đúng đắn và bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng sản phẩm xây lắp đã hoàn thành. Định kỳ kiểm kê đánh giá khối lượng thi công dở dang theo nguyên tắc quy định.

Đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình, từng bộ phận thi công, tổ, đội sản xuất. Trong từng thời kỳ nhất định phải kịp thời lập các báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, cung cấp chính xác kịp thời các thông tin hữu dụng về chi phí sản xuất và giá thành phục vụ yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

#### **1.1.4- Vai trò của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.**

Tổ chức kế toán chi phí sản xuất chính xác, hợp lý và tính đúng tính đủ giá thành công trình xây lắp có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí giá thành xây dựng, trong việc kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và ở các tổ đội xây dựng nói riêng. Với chức năng là ghi chép, tính toán phản ánh và giám đốc thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư tài sản, tiền vốn, kế toán sử dụng thước đo giá trị để quản lý chi phí. Thông qua số liệu do kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành, người quản lý doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình của quá trình sản xuất kinh doanh. Qua đó nhà quản trị có thể phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản phẩm, tình hình sử dụng lao động, vật tư, vốn là tiết kiệm hay lãng phí để từ đó có biện pháp hạ giá thành đưa ra những quyết định phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hạ giá thành mà vẫn đảm bảo chất lượng là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường.

Việc phân tích đúng đắn kết quả sản xuất kinh doanh chỉ có thể dựa trên giá thành sản phẩm chính xác. Về phần giá thành thì giá thành lại chịu ảnh hưởng của kết quả tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp để xác định nội dung, phạm vi chi phí cấu thành trong giá thành cũng như lượng giá trị các yếu tố chi phí đã dịch chuyển vào sản phẩm hoàn thành là yêu cầu rất cần thiết đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng.

Tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm là tiền đề để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tránh tình trạng lỗ thật, lãi giả như một số năm trước đây. Khi nền kinh tế đang trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung, các doanh nghiệp hoạt động theo chỉ tiêu pháp lệnh, vật tư tiền vốn do cấp trên cấp, giá thành là giá định sẵn. Vì vậy công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chỉ mang tính hình thức. Chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp được chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương hướng riêng và phải tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Để có thể cạnh tranh được trên thị trường, công tác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp còn phải thực hiện đúng, theo những quy luật khách quan. Như vậy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp là một phần không thể thiếu được đối với các doanh nghiệp xây lắp khi thực hiện chế độ kế toán hơn nữa nó có ý nghĩa to lớn và chi phối chất lượng công tác kế toán trong toàn doanh nghiệp.

## **1.2- Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

### **1.2.1- Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp**

#### *1.2.1.1- Khái niệm chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá và các hao phí khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất, thi công trong một thời kỳ nhất định.

Trong doanh nghiệp xây lắp các chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại có nội dung kinh tế và công dụng khác nhau yêu cầu đối với từng loại chi phí cũng khác nhau. Việc quản lý sản xuất, quản lý chi phí sản xuất không thể chỉ dựa vào số liệu phản ánh tổng chi phí sản xuất mà còn phải căn cứ vào số liệu cụ thể của từng loại

chi phí riêng biệt để phục vụ cho yêu cầu kiểm tra phân tích toàn bộ các chi phí sản xuất hoặc từng yếu tố chi phí ban đầu của chúng, theo từng công trình hạng mục công trình theo từng nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí. Do đó, phân loại chi phí là một yêu cầu tất yếu để hạch toán chính xác chi phí sản xuất và tình giá thành sản phẩm xây lắp

#### 1.2.1.2- Phân loại chi phí sản xuất

Phân loại là việc chia chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây lắp ra thành từng nhóm có những đặc trưng riêng biệt và theo tiêu thức phù hợp. Doanh nghiệp xây lắp có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều tiêu thức phân loại chi phí sau đây:

##### a) Phân loại chi phí theo lĩnh vực hoạt động

Theo tiêu thức này thì chi phí sản xuất được chia thành chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác.

- Chi phí sản xuất kinh doanh là những chi phí phát sinh trong khâu sản xuất xây lắp, tiêu thụ sản phẩm xây lắp hoàn thành và quản lý hành chính từ khi khởi công đến khi tiêu thụ xong sản phẩm xây lắp.

- Chi phí khác là những chi phí phát sinh trước, cùng lúc hoặc sau khi hoạt động kinh doanh xây lắp hoàn thành.

##### b) Phân loại chi phí theo yếu tố chi phí.

Theo tiêu thức này thì chi phí của doanh nghiệp xây lắp được chia ra làm 3 yếu tố cơ bản:

- Chi phí của yếu tố đối tượng lao động
- Chi phí của yếu tố tư liệu lao động
- Chi phí của yếu tố sức lao động

Ba yếu tố cơ bản nêu trên được chi tiết thành 7 yếu tố cụ thể sau đây:

+ Yếu tố nguyên liệu, vật liệu công cụ dụng cụ bao gồm nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu phụ từng thay thế...

+ Yếu tố nhiên liệu động lực

+ Yếu tố tiền lương, tiền công và phụ cấp có tính chất lương

+ Yếu tố theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ

- + Yếu tố khấu hao TSCĐ
- + Yếu tố dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí bằng tiền khác

*c) Phân loại chi phí sản xuất theo chức năng hoạt động của chi phí.*

Theo cách phân loại này chi phí của doanh nghiệp xây lắp được chia thành 3 loại.

- Chi phí của chức năng sản xuất: Là toàn bộ số chi phí liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm cũng như các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý và phục vụ sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, tổ đội sản xuất

- Chi phí của chức năng tiêu thụ là toàn bộ các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm xây lắp hoàn thành như chi phí quảng cáo, chi phí bán hàng...

- Chi phí của chức năng quản lý là toàn bộ chi phí phục vụ và quản lý chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp như chi phí về quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý hành chính...

*d) Phân loại chi phí theo cách kết chuyển chi phí*

Theo cách phân loại này thì chi phí của doanh nghiệp xây lắp được chia thành 2 loại là chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

- Chi phí sản phẩm là chi phí gắn liền với quá trình sản xuất xây lắp được hình thành từ trong sản xuất

- Chi phí thời kỳ là chi phí phát sinh hoàn toàn biệt lập với quá trình sản xuất. Nó được trừ ra khỏi thu nhập của kỳ mà chúng phát sinh. Trong khi đó chi phí sản phẩm được thực hiện (dưới dạng giá vốn) khi sản phẩm đã được tiêu thụ.. Sản phẩm chưa được tiêu thụ chi phí sản phẩm nằm trong giá trị hàng tồn kho hoặc tại công trình.

*e) Phân loại chi phí theo khoản mục tính giá thành*

Theo cách này thì chi phí xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp được chia ra làm 4 khoản mục

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí của nguyên liệu, vật liệu chính, nguyên liệu, vật liệu phụ trực tiếp tham gia vào việc cấu thành thực thể của sản phẩm xây lắp. Ngoài ra nó còn bao gồm cả chi phí vật kết cấu hoặc chi phí



nguyên vật liệu đi kèm với vật kiến trúc nhưng không bao gồm trị giá của nguyên vật liệu thiết bị trong khâu lắp đặt. Trị giá của lượng thiết bị này phải được hạch toán và theo dõi riêng mà không được tính vào trị giá của sản phẩm xây lắp (chủ yếu là nhận thiết bị từ chủ đầu tư)

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm chi phí tiền lương chính, lương phụ của công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp nằm trong danh sách lao động của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài nhưng không bao gồm các khoản trích theo lương tính vào chi phí.

- Chi phí sử dụng máy thi công là những chi phí phát sinh ở đội thi công dùng cho xe hoặc máy thi công. Nó bao gồm chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

+ Chi phí thường xuyên sử dụng máy thi công là các chi phí tiền lương, tiền công phải trả cho nhân viên phục vụ máy, nhân viên điều khiển máy và nhân viên vận hành máy, chi phí vật liệu dụng cụ, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác được chi tiết từ tài khoản 623.1 đến tài khoản 623.8

+ Chi phí tạm thời sử dụng máy thi công bao gồm chi phí sửa chữa lớn các xe, máy thi công hay các chi phí tạm thời cho các công trình phục vụ máy thi công như lều, lán, bệ, đường ray...

- Chi phí sản xuất chung là những chi phí phát sinh ở phạm vi toàn đội thi công về tiền lương, vật liệu dụng cụ, khấu hao, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên vận hành, điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý đội thi công và được theo dõi chi tiết từ tài khoản 627.1 đến tài khoản 627.8

#### *f) Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí*

Theo cách này chi phí được phân loại theo cách ứng xử của chi phí hay là xem xét sự biến động của chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi. Chi phí được phân thành 3 loại:

- Định phí là những khoản chi phí cố định khi khối lượng công việc hoàn thành thay đổi. Tuy nhiên nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì định phí lại biến

đôi. Định phí thường bao gồm: chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng chung, tiền lương nhân viên, cán bộ quản lý,...

- Biến phí là những khoản chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với khối lượng công việc hoàn thành, thường bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, ... Biến phí trên một đơn vị sản phẩm luôn là một mức ổn định.

- Hỗn hợp phí: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí và định phí. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thể hiện các đặc điểm của định phí, quá mức đó nó lại thể hiện đặc tính của biến phí. Hỗn hợp phí thường gồm: chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

### **1.2.2- Giá thành của sản phẩm xây lắp**

#### *1.2.2.1- Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp*

- Khái niệm: Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá nhằm tạo ra sản phẩm xây lắp hoàn chỉnh. Nó là sự kết tinh của chi phí sản xuất phát sinh từ khi khởi công công trình cho đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao và quyết toán.

- Khác với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, ở doanh nghiệp xây lắp giá thành sản phẩm xây lắp mang tính chất cá biệt mỗi công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây dựng sau khi hoàn thành đều có một giá thành riêng. Hơn nữa khi nhận thầu một công trình xây dựng thì rõ ràng là giá bán ( giá nhận thầu) đã có ngay trước khi thi công công trình. Như vậy giá bán có trước khi xác định được giá thành thực tế của công trình đó. Do vậy giá thành thực tế của công trình là cơ sở để xác định lãi lỗ của doanh nghiệp khi thi công công trình đó.

Một số khoản mục chi phí gián tiếp được phân bổ vào giá thành từng loại sản phẩm theo các tiêu thức phù hợp.

#### *1.2.2.2- Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp*

##### *a) Phân loại theo lĩnh vực hoạt động*

Theo cách phân loại này giá thành xây lắp được chia làm 2 loại là giá thành sản xuất (Zsx) và giá thành toàn bộ (Ztb)

- Giá thành sản xuất (Zsx) được hình thành từ trong quá trình sản xuất xây lắp

$$Z_{sx} = \begin{array}{l} \text{Giá trị của khối} \\ \text{lượng xây lắp dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{xây lắp phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị của} \\ \text{khổng lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất xây lắp} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{NVL trực} \\ \text{tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{NC TT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sử dụng} \\ \text{máy thi} \\ \text{công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{SXC} \end{array}$$

- Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ) là giá thành được hình thành sau khâu nghiệm thu quyết toán nó được xác định bằng công thức.

$$Z_{tb} = Z_{sx} + \begin{array}{l} \text{Chi phí bán} \\ \text{hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có thể được tính cùng với tổng giá thành hoặc được tiến hành phân bổ 1 cách riêng biệt cho từng công trình hạng mục công trình

#### *b) Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để giá thành*

Theo cách phân loại này thì giá thành trong doanh nghiệp xây lắp được chia ra làm 4 loại:

- Giá thành dự toán là giá thành được xác định dựa vào định mức và khung giá quy định cho từng loại công trình, hạng mục công trình trên từng vùng lãnh thổ khác nhau. Nó nhỏ hơn giá trị dự toán sản phẩm xây lắp.

$$Z_{\text{dự toán}} = \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán sản phẩm} \\ \text{xây lắp} \end{array} - \text{Lãi định mức}$$

#### **Trong đó**

- Lãi định mức trong XDCB được Nhà nước quy định trong từng thời kỳ
- Giá trị dự toán xây lắp được xác định dựa vào định mức đánh giá của các cơ quan có thẩm quyền và dựa trên mặt bằng giá cả của thị trường.

- Giá thành kế hoạch là giá thành được xác định dựa vào các điều kiện cụ thể của doanh nghiệp xây lắp như định mức thi công, đơn giá, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành... Nó là phần còn lại của giá thành dự toán sau khi đã bỏ đi mức hạ giá thành

$$Z \text{ kế hoạch} = Z \text{ dự toán} - \text{Mức hạ giá thành}$$

Giá thành kế hoạch là căn cứ để so sánh, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, là mục tiêu phấn đấu hạ giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

- Giá thành thực tế của công tác xây lắp là tổng các chi phí thực tế phát sinh từ khi khởi công đến khi công trình hoàn thành nó được xác định dựa vào sổ sách kế toán.

- Muốn đánh giá được chất lượng của hoạt động xây lắp thì ta phải tiến hành so sánh các loại giá thành với nhau. Giá thành dự toán mang tính chất xã hội nên việc so sánh giá thành dự toán với giá thành thực tế cho phép ta đánh giá sự tiến bộ hay yếu kém về trình độ quản lý của doanh nghiệp trong điều kiện cụ thể về vật chất kỹ thuật. Về nguyên tắc mối quan hệ giữa các loại giá thành trên phải đảm bảo

$$\text{Giá thành dự toán} > \text{Giá thành kế hoạch} > \text{Giá thành thực tế}$$

- Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Trong doanh nghiệp xây lắp giá thành công tác xây lắp còn được theo dõi trên 2 chỉ tiêu sau:

+ Giá thành khối lượng hoàn chỉnh là giá thành của những công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo chất lượng và kỹ thuật đúng thiết kế đúng

hợp đồng bàn giao và được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán và có thể đưa vào sử dụng. Chỉ tiêu này cho phép chúng ta đánh giá một cách chính xác và toàn diện hiệu quả của sản xuất

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành theo khối lượng hoàn thành quy ước là giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành đến một giai đoạn nhất định. Nó phản ánh kịp thời chi phí sản xuất cho đối tượng xây dựng trong quá trình thi công xây dựng từ đó giúp doanh nghiệp phân tích kịp thời các chi phí đã chi cho từng đối tượng để có biện pháp quản lý thích hợp và cụ thể

### 1.2.2.3- Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

Giữa chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình thi công các công trình, hạng mục công trình. Chi phí sản xuất biểu hiện mặt hao phí trong sản xuất còn giá thành biểu hiện kết quả.

Sự khác biệt giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm biểu hiện:

- Chi phí sản xuất gắn với từng thời kỳ phát sinh chi phí giá thành sản phẩm gắn với khối lượng xây lắp hoàn thành

- Tất cả những khoản chi phí phát sinh bao gồm chi phí phát sinh trong kỳ, chi phí kỳ trước chuyển sang và các chi phí tính trước có liên quan đến khối lượng công tác xây lắp hoàn thành trong kỳ sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành. Nói cách khác, giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kể ở thời kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ.

Có thể phản ánh mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm qua công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở} \\ \text{dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

### **1.2.3- Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành**

#### **1.2.3.1- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là giới hạn phạm vi mà các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo phạm vi giới hạn đó.

- Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở từng doanh nghiệp cần dựa vào các yếu tố như tính chất sản xuất loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm ...căn cứ vào yêu cầu tính giá thành, yêu cầu quản lý , khả năng trình độ quản lý, trình độ hạch toán của doanh nghiệp.

- Đối tượng tập hợp chi phí của doanh nghiệp xây lắp thường được chọn là từng công trình, từng hạng mục công trình hoặc các giai đoạn công việc của từng hạng mục. Nơi chịu chi phí là công trường, đội thi công, tổ thi công.

#### **1.2.3.2- Đối tượng tính giá thành**

- Đối tượng tính giá thành sản phẩm là công trình, hạng mục công trình hoặc là các giai đoạn công việc của từng hạng mục đã hoàn thành hoặc đã được nghiệm thu.

- Khác với hạch toán chi phí sản xuất, công việc tính giá thành là nhằm xác định được giá thành thực tế của từng loại sản phẩm đã được hoàn thành.

- Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm. Bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp, các loại sản phẩm lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

- Trong các doanh nghiệp xây lắp việc tính giá thành thường trùng với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đó có thể là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công việc hoàn thành bàn giao.

- Như vậy, xác định đúng đối tượng tính giá thành và phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp giúp cho kế toán mở sổ kế toán, các bảng tính giá thành và tính giá thành theo từng đối tượng cần quản lý và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp.

1.2.3.3- Phân biệt đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành

Qua hai khái niệm trên ta thấy đối tượng tính giá thành và đối tượng tập hợp chi phí có những điểm khác nhau.

- Đối tượng tập hợp chi phí là căn cứ để mở các tài khoản, các sổ chi tiết, tổ chức ghi chép ban đầu, tập hợp số liệu chi phí sản xuất chi tiết theo từng đối tượng chịu chi phí sản xuất, từng địa điểm phát sinh giúp cho tăng cường công tác quản lý chi phí sản xuất và thực hiện chế độ hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp. Còn việc xác định đối tượng tính giá thành lại là căn cứ để lập các bảng biểu chi tiết tính giá thành và tổ chức công tác tính giá thành theo từng đối tượng phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm. Tính toán hiệu quả xác định chính xác thu nhập phát hiện khả năng tiềm tàng để có biện pháp không ngừng hạ thấp giá thành công tác xây dựng phục vụ cho yêu cầu quản lý giá thành sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp.

Tuy nhiên giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành có mối quan hệ mật thiết với nhau. Vì bản chất chúng là những phạm vi giới hạn để tập hợp chi phí. Số liệu về chi phí sản xuất đã được tập hợp được trong kỳ là cơ sở và căn cứ để tính giá thành. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành biểu hiện ở một trong các trường hợp sau:

- Tương ứng với một đối tượng tập hợp chi phí là nhiều đối tượng tính giá thành có liên quan.
- Tương ứng với nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất chỉ có một đối tượng tính giá thành.
- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với nhau.

Tùy vào mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà lựa chọn, áp dụng các phương pháp tính giá thành thích hợp.

**1.2.4- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, xác định giá trị sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây dựng.**

*1.2.4.1- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất*

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất được sử dụng trong hạch toán chi phí được tập hợp và phân bổ chi phí trong giới hạn tập hợp chi phí đã định. Trong xây dựng cơ bản, kế toán thường sử dụng phương pháp trực tiếp để tập hợp chi phí sản xuất cho các đối tượng tính giá thành có liên quan. Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp đòi hỏi ngay từ khâu hạch toán ban đầu, các chứng từ kế toán phải ghi chép riêng rẽ chi phí sản xuất cho từng đối tượng tính giá thành. Căn cứ vào các chứng từ gốc đó, kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho từng đối tượng tính giá thành. Phương pháp trực tiếp áp dụng cho những chi phí sản xuất cơ bản hoặc cho doanh nghiệp chỉ có một đối tượng tính giá thành là công trình hoặc hạng mục công trình.

Ngoài ra còn có phương pháp tập hợp chi phí sản xuất gián tiếp (chi phí sản xuất chung) nhưng trong xây dựng cơ bản phương pháp này ít được áp dụng.

*1.2.4.2- Xác định giá trị sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp*

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng sản phẩm xây dựng dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Để xác định được giá thành sản phẩm một cách chính xác thì điều kiện quan trọng là phải đánh giá chính xác sản phẩm làm dở cuối kỳ phải chịu. Muốn như vậy phải tổ chức kiểm kê chính xác khối lượng sản phẩm xây dựng dở dang trong kỳ, đồng thời xác định đúng đắn mức độ hoàn thành theo quy ước của từng giai đoạn thi công.

Chất lượng của công tác kiểm kê khối lượng xây dựng dở dang có ảnh hưởng tới tính chính xác của việc đánh giá khối lượng làm dở và tính giá thành ở các doanh nghiệp xây lắp, do đặc điểm của sản phẩm xây lắp là có kết cấu phức tạp, công tác xác định mức độ hoàn thành của nó là rất khó khăn nên khi đánh giá



sản phẩm làm dở, kế toán cần kết hợp chặt chẽ với bộ phận kỹ thuật và bộ phận tổ chức lao động. Dưới đây là một số phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở mà các doanh nghiệp thường áp dụng.

a) Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán

Theo phương pháp này, giá trị thực tế của khối lượng xây dựng dở dang cuối kỳ được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \\ \text{Giá trị dự toán} \\ \text{của KLXL} \\ \text{hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{Giá trị dự toán} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{Giá trị dự toán} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

b) Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với việc đánh giá sản phẩm là dở của công tác lắp đặt máy móc thiết bị.

Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng lắp đặt dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế của KL lắp} \\ \text{đặt dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KL lắp đặt} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{KL lắp đặt thực} \\ \text{hiện trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí theo dự} \\ \text{toán của KL lắp} \\ \text{đặt DDCK đã tính} \\ \text{chuyển theo sản} \\ \text{lượng hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí theo} \\ \text{dự toán của} \\ \text{KL lắp đặt} \\ \text{DDCK đã} \\ \text{tính chuyển} \\ \text{theo sản} \\ \text{lượng hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương} \end{array}$$

Ngoài ra đối với công việc như nâng cấp, sửa chữa, hoàn thiện hoặc xây dựng các công trình có giá trị nhỏ, thời gian thi công ngắn, theo hợp đồng được bên chủ đầu tư thanh toán sau khi hoàn thành toán bộ thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chính là chi phí sản xuất thực tế phát sinh từ khi khởi công đến khi đánh giá.

#### 1.2.4.3- Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây dựng

Phương pháp tính giá thành thành phẩm là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị của sản phẩm hoặc lao vụ đã hoàn thành theo các yếu tố chi phí hoặc khoản mục giá thành trong thời kỳ tính giá thành đã được xác định.

Trong đó kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Tùy theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành và mối quan hệ giữa các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà kế toán phải lựa chọn sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp thích hợp để tính giá thành cho từng đối tượng.

Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng các phương pháp tính giá thành sau:

##### a) Phương pháp tính giá thành gián đơn( phương pháp tính giá thành trực tiếp)

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay vì sản xuất kinh doanh mang tính chất đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành.

Hơn nữa, áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành mỗi thời kỳ báo cáo và cách tính đơn giản, dễ dàng thực hiện. Theo phương pháp này, tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh trực tiếp cho một công trình hoặc hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình hay hạng mục công trình đó.

Trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

Giá thành thực tế của KL xây lắp hoàn thành bàn giao = Chi phí thực tế dở dang đầu kỳ + Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ - Chi phí thực tế dở dang cuối kỳ

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp theo công trường hoặc cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm hoặc hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho từng hạng mục công trình đó. Nếu các hạng mục công trình có thiết kế khác nhau, nhưng cùng thi công trên cùng một địa điểm do một công trình sản xuất đảm nhận nhưng không có điều kiện quản lý theo dõi việc sử dụng các loại chi phí khác nhau cho từng hạng mục công trình thì từng loại chi phí đã được tập hợp trên toàn công trình đều phải tiến hành phân bổ cho từng loại công trình, hạng mục công trình khi đó giá thành thực tế cho từng hạng mục sẽ là:  $G_{dti} \times H$

Trong đó : H là tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế

$$H = \frac{\sum C}{\sum G_{dti}} \times 100\%$$

$\sum C$  : là tổng chi phí thực tế của các công trình

$\sum G_{dti}$  : Tổng dự toán của hạng mục công trình thứ i

#### b) Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây dựng theo đơn đặt hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng đã hoàn thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo mà là khi đơn đặt hàng đã hoàn thành.

Theo phương pháp này, hàng tháng chi phí thực tế phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó

#### c) Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp tính giá thành này áp dụng đối với doanh nghiệp xây dựng thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phải tính được giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành.
- Vạch ra một cách chính xác các thay đổi về định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành.
- Xác định được chênh lệch định mức và nguyên nhân gây ra các chênh lệch đó.

Theo phương pháp này, giá thành thực tế của sản phẩm xây dựng xác định theo công thức.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch} & & \text{Chênh lệch} \\ \text{tế của sản phẩm} & = & \text{định mức của} & + & \text{do thay đổi} & + & \text{do thoát ly} \\ \text{xây dựng} & & \text{sản phẩm xây} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \\ & & \text{dựng} & & & & \end{array}$$

#### d) Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này thông thường áp dụng đối với các công trình hạng mục công trình phải qua nhiều giai đoạn thi công như giai đoạn thi công kiến trúc, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.

Giá thành thực tế của toàn bộ công trình hạng mục công trình được tính như sau:

$$Z = C_1 + C_2 + C_3 + \dots + C_n + D dk - D ck$$

Trong đó: Z : giá thành thực tế của toàn bộ công trình

$C_1, C_2, C_3 \dots C_n$  : chi phí xây dựng các giai đoạn

D dk, Dck : chi phí sản xuất sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

### **1.3- Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm**

#### **1.3.1- Nguyên tắc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

Tìm hiểu nguyên tắc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp để biết được nội dung và phạm vi của quá trình sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. Để đảm bảo tính thống nhất các doanh nghiệp xây lắp đều thực hiện theo quy định chung của chế độ tài chính và chế độ hạch toán hiện hành. Theo chế độ quy định về hạch toán hiện nay, tính giá thành sản phẩm xây lắp chỉ hạch toán những khoản chi

phí cơ bản trực tiếp như chi phí về nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công, chi phí về máy móc thiết bị thi công và chi phí chung về thi công công trình.

Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng( nếu có) không được hạch toán vào giá thành sản phẩm xây dựng mà được hạch toán riêng vào TK 642-chi phí quản lý doanh nghiệp và TK 641- chi phí bán hàng, cuối kỳ kết chuyển sang TK911- xác định kết quả kinh doanh.

Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có ý nghĩa rất lớn trong việc tính đúng, tính đủ và hợp lý chi phí vào giá thành sản phẩm của doanh nghiệp cũng như đảm bảo tính nhất quán trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp cũng như các doanh nghiệp sản xuất trong nền kinh tế quốc dân.

### **1.3.2- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

#### **1.3.2.1 Tổ chức hệ thống chứng từ và hạch toán ban đầu với chi phí sản xuất.**

Chứng từ gốc có liên quan đến chi phí phát sinh là chứng từ thuộc về các yếu tố chi phí như: vật tư ( phiếu nhập kho, phiếu xuất kho), tiền lương( bảng tính lương phải trả), khấu hao TSCĐ( bảng tính hao mòn TSCĐ), tiền mặt( phiếu thu, phiếu chi), tiền gửi ngân hàng(giấy báo nợ, báo có)...

Trong doanh nghiệp xây lắp đối tượng tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình hay theo đơn đặt hàng, kế toán trưởng tổ chức việc lập chứng từ kế toán cho từng đối tượng tập hợp chi phí( nếu là chi phí trực tiếp) và còn những chi phí chung thì lập chứng từ kế toán theo khoản mục chi phí chung.

#### **1.3.2.2 Tổ chức hệ thống sổ kế toán để ghi chép, tập hợp chi phí sản xuất.**

- Sổ kế toán áp dụng để ghi chép, tập hợp chi phí sản xuất gồm 2 hệ thống sổ:  
+ Sổ kế toán phục vụ kế toán tài chính( sổ kế toán tổng hợp) tùy theo từng hình thức mà doanh nghiệp xây lắp áp dụng để có sổ kế toán khác nhau. Nhưng hình thức kế toán nào cũng chung ở sổ cái TK tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán đều được mở một sổ cái và mỗi tài khoản đó( TK621, TK622, TK623, TK627, TK631, TK154) đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp nó sẽ cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính về chi phí giá thành.

+ Sổ kế toán phục vụ kế toán quản trị( kế toán phân tích, kế toán chi tiết) do trong các doanh nghiệp xây dựng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là công trình, hạng mục công trình hay theo đơn đặt hàng mà kế toán chi phí mở các sổ chi tiết để tập hợp chi phí cho từng công trình , hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng của từng tài khoản chi phí như: sổ chi tiết TK621 công trình A, sổ chi tiết TK 621 công trình B ... Mẫu sổ chi tiết tùy theo từng doanh nghiệp thiết kế nhưng nó phải đáp ứng được theo dõi chi tiết cho từng khoản mục chi phí, đồng thời theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

1.3.2.3 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

a) Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm thì chi phí nguyên vật liệu chính chiếm một tỷ trọng lớn. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí của những loại nguyên vật liệu cấu thành thực thể của sản phẩm, có giá trị lớn và có thể xác định một cách tách biệt rõ ràng cụ thể cho từng sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm xây lắp. Chi phí nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế khi xuất dùng, còn có cả chi phí thu mua, vận chuyển từ nơi mua về nơi nhập kho hoặc xuất thẳng đến chân công trình.

Trong xây dựng cơ bản cũng như các ngành khác, vật liệu sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào phải được tính trực tiếp cho công trình , hạng mục công trình đó dựa trên cơ sở chứng từ gốc theo giá thực tế của vật liệu và số lượng thực tế vật liệu đã sử dụng. Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình đã hoàn thành, tiến hành kiểm kê số vật liệu còn lại tại công trình để giảm trừ chi phí vật liệu đã tính cho từng hạng mục công trình, công trình. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức kế toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ cho các đối tượng liên quan.

Tiêu thức phân bổ thường được sử dụng theo định mức khấu hao theo hệ số, trọng lượng, số lượng sản phẩm ... công thức phân bổ như sau;

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí vật liệu} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiêu thức phân} \\ \text{bổ cho từng đối} \\ \text{tượng} \end{array} \times \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần} \\ \text{phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức lựa chọn để} \\ \text{phân bổ của từng đối tượng}}$$

\* Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi
- Hoá đơn mua hàng...

Vật liệu mua về có thể nhập kho hoặc có thể xuất thẳng cho công trình.

\* Tài khoản sử dụng: TK621: dùng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu dùng trong sản xuất phát sinh trong kỳ, cuối kỳ, kết chuyển sang tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Kết cấu TK 621 như sau;

Nợ	TK 621	Có
- Trị giá gốc thực tế của nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm xây lắp	- Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho - Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu vào TK154( chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)	

- TK621 không có số dư cuối kỳ, tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình , hạng mục công trình.

\* Phương pháp kế toán.

- Căn cứ vào các chứng từ như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu chi, hoá đơn GTGT về việc xuất kho nguyên vật liệu phục thi công hoặc mua nguyên vật liệu chuyên chở ngay đến chân công trình kế toán ghi:

Nợ TK621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ TK133: VAT được khấu trừ ( nếu có)

Có TK152: nếu xuất từ kho của doanh nghiệp

Có TK111,112,331 ...: mua chuyên chở đến chân công trình

- Nguyên vật liệu sử dụng không hết

+ Nếu nhập lại kho của doanh nghiệp kế toán ghi:

Nợ TK 152: trị giá thực tế nguyên liệu nhập kho

Có TK621: chi tiết

+ Nếu không nhập lại kho mà nằm tại công trình kế toán ghi:

Nợ TK 154.1:

Có TK 621:

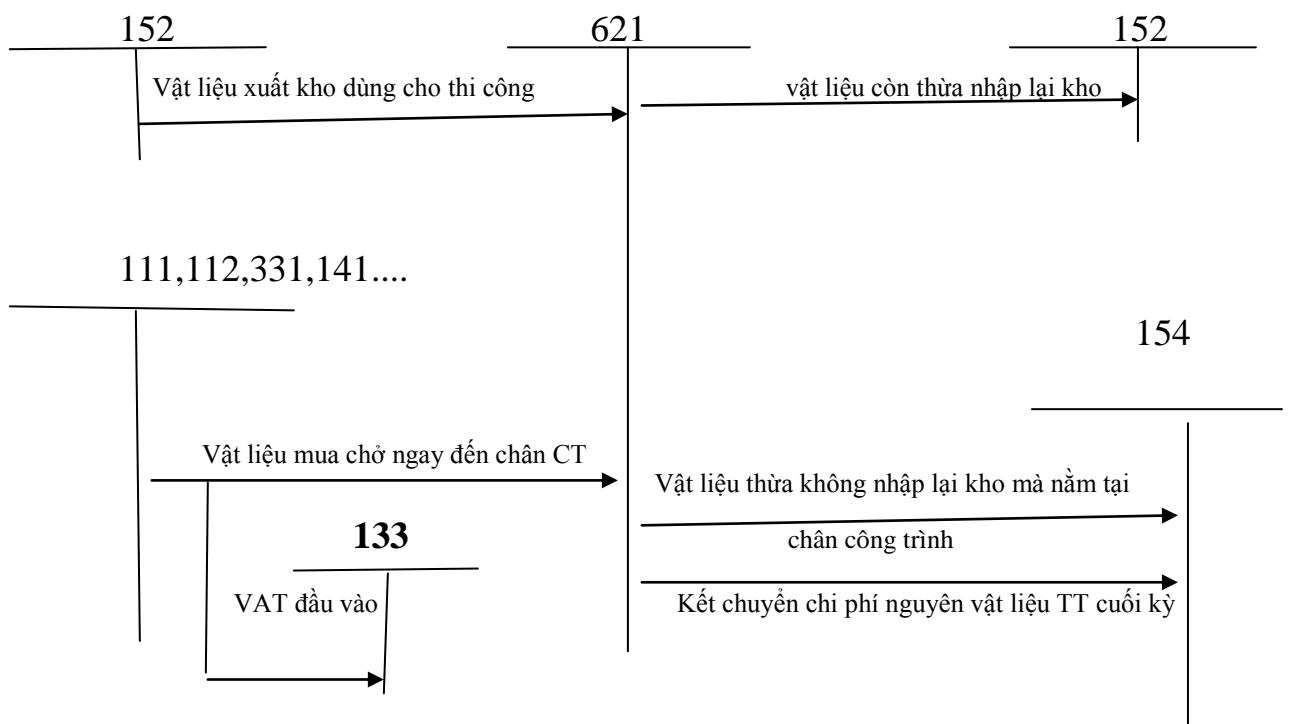
- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào giá trị kết chuyển hoặc phân bổ nguyên vật liệu cho từng công trình hạng mục công trình kế toán ghi:

Nợ TK 154.1: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 621: chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình

Ta có thể thấy quá trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp





b) Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp trong các doanh nghiệp xây lắp bao gồm các khoản thù lao lao động phải trả cho công nhân trực tiếp tham gia vào thực hiện khối lượng xây lắp nó bao gồm tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương. Chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp khác với các doanh nghiệp sản xuất là không bao gồm các khoản trích theo lương vào chi phí như : BHXH, BHYT, KPCĐ của công nhân trực tiếp xây lắp.

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp. Tài khoản này được dùng để tập hợp và kết chuyển số chi phí tiền công của công nhân trực tiếp sản xuất. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Kết cấu của tài khoản 622 như sau:

Nợ	TK622	Có
- Tiền lương chính, lương phụ các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân trực tiếp sản xuất		- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản 154
TK 622 không có số dư cuối kỳ		

\* Phương pháp kế toán

- Trong kỳ kế toán căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH kế toán tính ra số phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp trong danh sách của doanh nghiệp kế toán ghi:

Nợ TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 334; số tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất

- Căn cứ vào hợp đồng giao khoán, phiếu xác nhận khối lượng công việc sản phẩm hoàn thành, biên bản nghiệm thu hợp đồng giao khoán tính ra tiền lương phải trả cho lao động thuê ngoài kế toán ghi:

Nợ TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 111, 331: số tiền phải trả cho công nhân thuê ngoài

- Căn cứ vào bảng trích trước tiền lương nghỉ phép theo kế hoạch của công nhân trực tiếp sản xuất kế toán ghi:

Nợ TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 335: chi tiết từng công trình hạng mục công trình

- Căn cứ vào bảng quyết toán thanh toán tạm ứng đối với hợp đồng giao khoán của các đơn vị trực thuộc cấp dưới:

Nợ TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 141: số tạm ứng cho các đơn vị cấp dưới

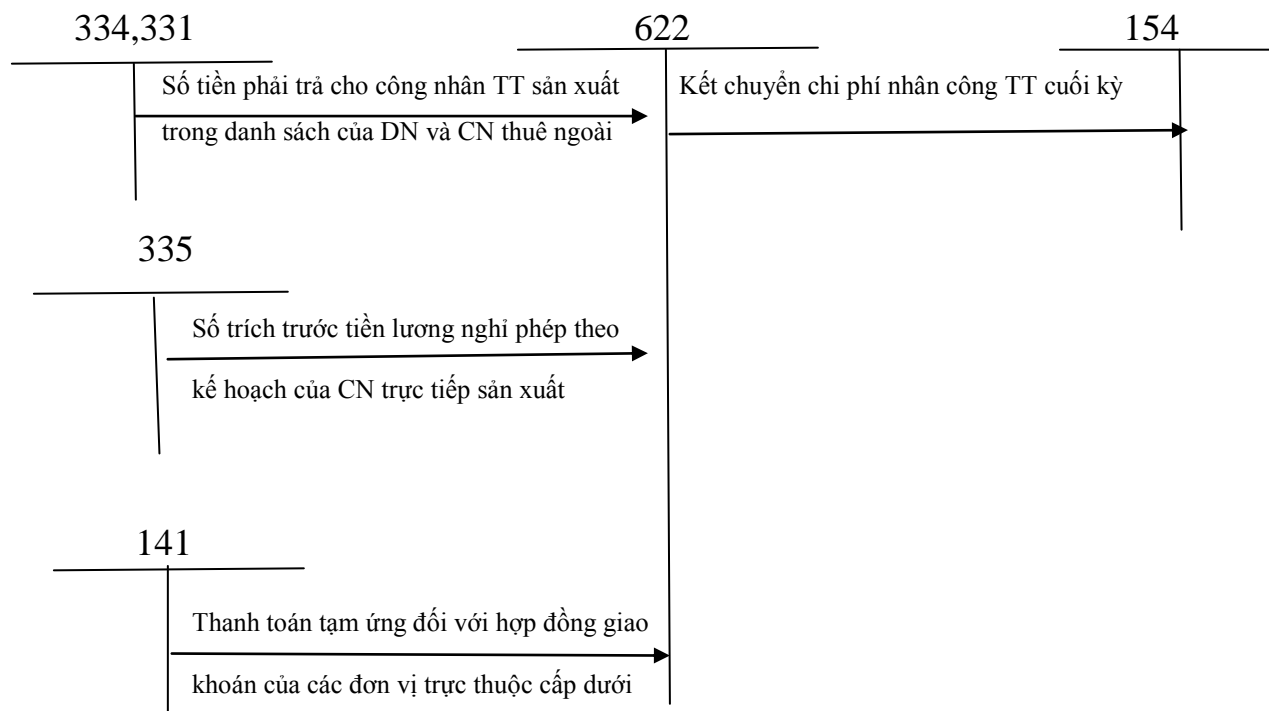
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp vào các đối tượng tính giá thành có liên quan

Nợ TK 154 : chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình

Có TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

Ta có thể thấy quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



c) Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công là những chi phí phát sinh ở các đội thi công dùng cho xe hoặc máy thi công nó bao gồm các chi phí về tiền lương tiền công phải trả cho nhân viên phục vụ máy thi công, nhân viên điều khiển vận hành máy thi công, chi phí về vật liệu dụng cụ, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác nó được chi tiết từ tài khoản 623.1 đến tài khoản 623.8.

\* Tài khoản sử dụng TK 623- chi phí sử dụng máy thi công, tài khoản này dùng để tập hợp toàn bộ các chi phí có liên quan đến máy thi công như tiền lương của nhân viên phục vụ, nhân viên điều khiển và vận hành máy thi công, chi phí về nguyên liệu, khấu hao...

Kết cấu tài khoản 623 như sau:

Nợ	TK 623	Có
- Tập hợp các chi phí phát sinh trong việc sử dụng máy thi công như nhân công, nguyên vật liệu, khấu hao máy thi công, các dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác dùng cho máy thi công		- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công sang TK 154

- Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình:

\* Phương pháp kế toán

- Trường hợp 1: Nếu doanh nghiệp thuê ca đối với xe hoặc máy thi công thì chi phí sử dụng máy thi công phát sinh kế toán ghi:

Nợ TK 623: chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 133: thuế VAT được khấu trừ ( nếu có)

Có TK 111, 112, 331... Tổng số tiền phải thanh toán

- Trường hợp 2: Doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng và đội máy có tổ chức bộ máy kế toán riêng

(+) Kế toán của đội máy thi công phải tập hợp các chi phí liên quan đến đội máy thi công như:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ TK 621: chi phí nguyên vật liệu dùng cho máy thi công

Có TK 152: xuất kho nguyên vật liệu

+ Chi phí nhân công trực tiếp

Nợ TK 622: chi phí nhân công của đội máy thi công

Có TK 334, 338: số tiền phải trả

+ Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 627: chi phí sản xuất chung

Có TK 334, 338: tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý đội máy

Có TK 152, 153: vật liệu công cụ xuất dùng cho đội máy

Có TK 214: khấu hao máy móc thiết bị thi công

Có TK 331, 111, 112: CP dịch vụ mua ngoài và CP bằng tiền khác

+ Tổng hợp các chi phí phát sinh của đội máy thi công

Nợ TK 154 : tổng chi phí tập hợp của đội máy thi công

Có TK 621, 622, 627 : các chi phí phát sinh của đội máy thi công

(+) Kế toán của doanh nghiệp xây lắp kết chuyển chi phí của đội máy thi công theo phương thức cung cấp dịch vụ lẫn nhau giữa các đơn vị nội bộ thì kế toán ghi

Nợ TK 623: chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 154: tổng chi phí phát sinh ở đội máy thi công

+ Nếu doanh nghiệp thực hiện theo phương thức bán dịch vụ xe, máy lẫn nhau giữa các bộ phận trong nội bộ, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công (6238 - Chi phí bằng tiền khác)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (Nếu có)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311) (Xác định thuế GTGT phải nộp tính trên giá bán nội bộ về ca xe, máy bán dịch vụ)

Có TK 512 - Doanh thu nội bộ.

- Trường hợp 3: Doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội

+ Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công phát sinh ở đội máy thi công của doanh nghiệp kế toán ghi:

Nợ TK 623: chi phí sử dụng máy thi công( chi tiết )

Nợ TK 133: VAT đầu vào nếu có

Có TK 111,112,152,153,331,334,338

Có TK 214, 141: ...

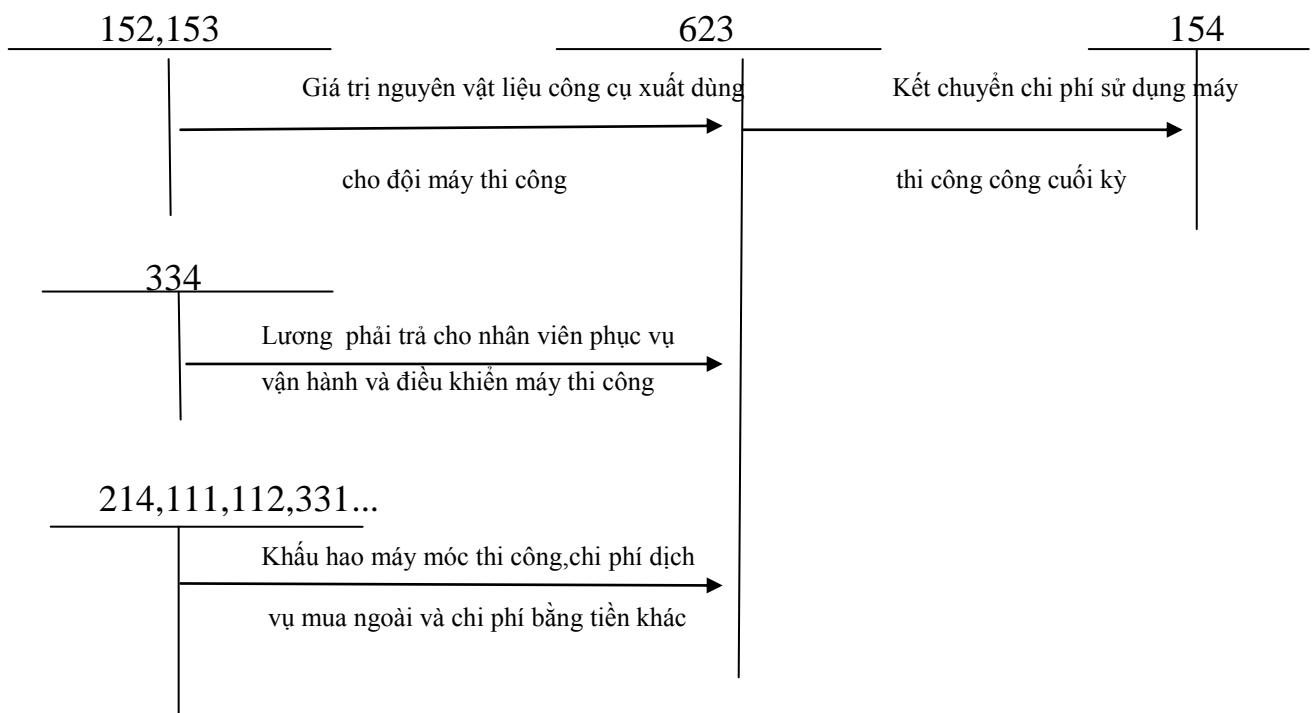
- Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 154: chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình

Có TK 623: chi phí sử dụng máy thi công

\* Việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công có thể thấy qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công



d) Kế toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung là những chi phí phát sinh ở phạm vi toàn đội thi công về tiền lương, vật liệu dụng cụ, khấu hao, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác. Nó cũng bao gồm các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên vận hành, điều khiển và phục vụ máy thi công và nhân viên quản lý đội thi công...

Ngoài ra các doanh nghiệp xây lắp nhỏ (nhà thầu nhỏ) máy móc thi công chủ yếu là thuê ngoài và khối lượng công việc của máy thi công không lớn cho nên các chi phí liên quan đến máy thi công thường được hạch toán vào tài khoản 627- chi phí sản xuất chung.

Các khoản chi phí sản xuất chung thường được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí. Cuối kỳ sẽ phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí.

Công thức phân bổ chi phí sản xuất chung:

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi phí} \\ \text{SXC phân bổ} \\ \text{cho từng đối} \\ \text{tượng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí SXC} \\ \text{cần phân bổ} \\ \text{Tổng tiêu thức phân} \\ \text{bổ} \end{array}}{\text{Tổng tiêu thức phân}} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu thức cần} \\ \text{phân bổ} \end{array}$$

\* Để hạch toán chi phí sản xuất chung ta sử dụng TK 627- chi phí sản xuất chung. Kết cấu của TK 627

Nợ	TK 627	Có
Tập hợp các chi phí sản xuất chung phát sinh	- kết chuyển, phân bổ vào tài khoản 154 - Số ghi giảm chi phí sản xuất chung	
	- TK 627 không có số dư cuối kỳ	

TK 627 được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2

TK 627.1: chi phí nhân viên tổ đội sản xuất

TK 627.2: Chi phí vật liệu

TK 627.3: Chi phí công cụ, dụng cụ

TK 627.4: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 627.7: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 627.8: Chi phí khác

\* Phương pháp kế toán

- Để phản ánh việc tập hợp các chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh kế toán ghi

Nợ TK 627: chi tiết các TK cấp 2 liên quan

Có TK 334, 338:

Có TK 152, 153

Có TK 214

Có TK 111, 112, 142, 242, 331, 335...

- Phản ánh số ghi giảm chi phí sản xuất chung

Nợ TK 111, 112, 138

Có TK 627: chi tiết liên quan

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí sản xuất chung sang tài khoản 154

Nợ TK 154

Có TK 627

*e) Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp*

Việc tập hợp chi phí sản xuất trong xây lắp được tiến hành theo từng đối tượng( công trình, hạng mục công trình )và chi tiết theo khoản mục vào bên nợ TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2

TK 154.1: Chi phí xây lắp

TK 154.2: Chi phí sản phẩm ngoài xây lắp

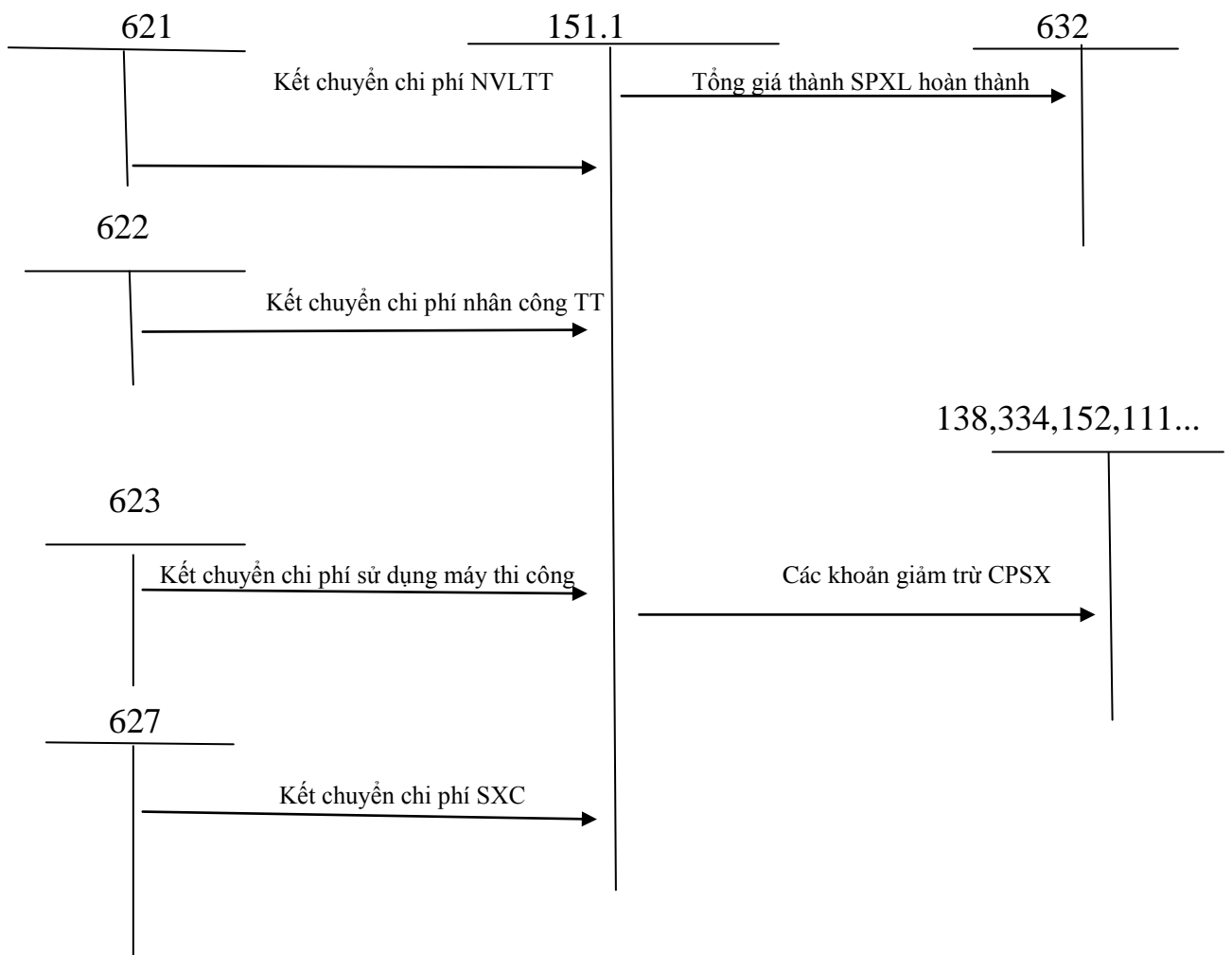
TK 154.3: Chi phí dịch vụ bảo hành xây lắp

Kết cấu TK 154 bao gồm;

Nợ	TK 154	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung</li> <li>- Dư: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ hoặc khối lượng xây lắp đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu thanh toán</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản giảm chi phí sản xuất</li> <li>- Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao</li> </ul>

Việc tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp





1.3.2.4- Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kế toán này chỉ áp dụng vào các doanh nghiệp xây dựng chỉ tiến hành một loại sản xuất kinh doanh là xây dựng.

Sự khác nhau cơ bản giữa kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên(KKTX) và kiểm kê định kỳ ( KKĐK) thể hiện ở:

- Tài khoản dùng để tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp KKĐK là TK 631- giá thành sản xuất, còn TK 154 chỉ dùng để phản ánh giá trị sản phẩm tồn đầu kỳ và cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê đánh giá sản phẩm

- Việc xác định chi phí nguyên vật liệu dùng trên tài khoản tổng hợp theo phương pháp KKĐK không phải là căn cứ các số liệu tổng hợp từ các chứng từ xuất kho mà lại căn cứ vào giá trị nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, giá trị thực tế của vật liệu nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính toán như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị thực} & & \text{Giá trị thực} & & \text{Giá trị thực tế} & & \text{Giá trị thực tế} \\ \text{tế của NVL} & = & \text{tế của NVL} & + & \text{của NVL} & - & \text{NVL tồn cuối} \\ \text{xuất dùng} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

- Theo phương pháp KKĐK để xác định được giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng cho các nhu cầu: sản xuất chế tạo sản phẩm, phục vụ quản lý sản xuất, phục vụ bán hàng hay quản lý doanh nghiệp hay xuất bán... lại phải căn cứ vào số liệu hạch toán chi tiết có thể bóc tách riêng cho từng đối tượng. Đây là nhược điểm lớn của phương pháp này trong công tác quản lý, khi mà trong kỳ khi nhìn vào các tài khoản kế toán ta không thể biết cụ thể tình hình xuất dùng sử dụng nguyên vật liệu như thế nào.

Để kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp KKĐK, kế toán sử dụng TK 631- giá thành sản xuất. Nguyên tắc hạch toán của tài khoản này cũng giống như TK 154 trong các doanh nghiệp xây dựng.

Kết cấu của TK 631 như sau:

Nợ	TK 631	Có
- Kết chuyển giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ		- Kết chuyển giá trị làm dở cuối kỳ
- chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ		- Giá thành thực tế của sản phẩm hoàn thành

TK 631 cuối kỳ không có số dư, vì giá trị sản phẩm làm dở cuối kỳ kết chuyển sang TK 154

TK 631 cũng được hạch toán chi tiết theo từng nơi phát sinh chi phí (tổ, đội, công trình )

- Việc tập hợp chi phí sản xuất vào TK 631 theo khoản mục chi phí quy định để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm và được tiến hành như sau:

+ Đầu kỳ kết chuyển giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ vào bên nợ TK 631 kế toán ghi

Nợ TK 631: giá trị sản phẩm là dở đầu kỳ

Có TK 154:

+ Cuối kỳ căn cứ vào số chi phí sản xuất đã tập hợp được ở trên các tài khoản chi phí vào TK 631

+) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ TK 631:

Có TK 621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp

Nợ TK 631:

Có TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

+) Kết chuyển chi phí máy thi công

Nợ TK 631:

Có TK 623: chi phí sử dụng máy thi công

+) Kết chuyển chi phí sản xuất chung

Nợ TK 631:

Có TK 627: chi phí sản xuất chung

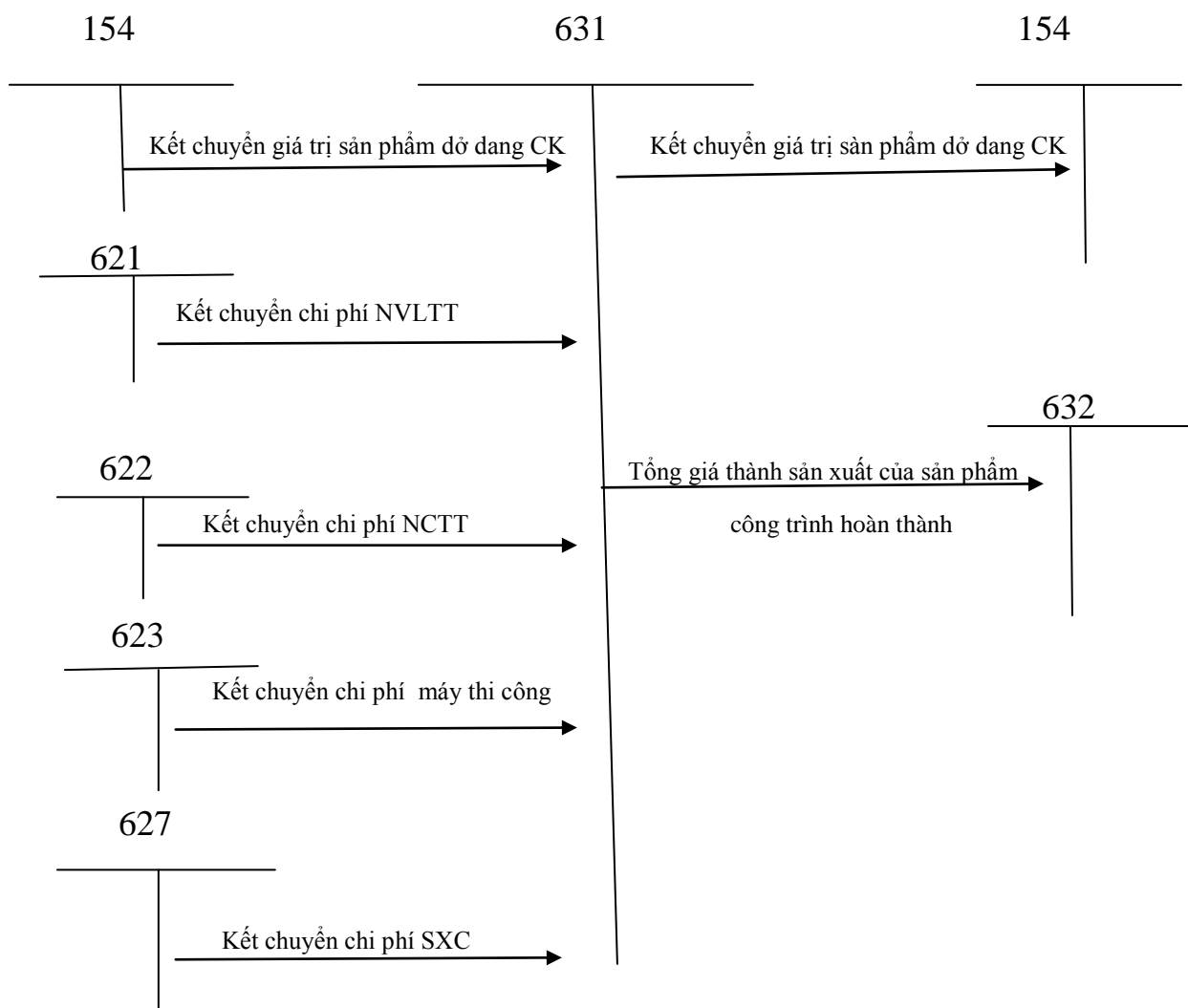
+ Cuối kỳ kiểm kê đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ kế toán ghi

Nợ TK 154:

Có TK 631: giá trị sản phẩm làm dở cuối kỳ

Quá trình hạch toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm  
(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



Diễn giải: Tổng hợp chi phí sản xuất

Để phục vụ cho việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 631- giá thành sản xuất. Các chi phí được tập hợp vào TK 631 gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

### **1.3.3- Tổ chức kế toán tình giá thành sản xuất sản phẩm**

#### *1.3.3.1- Tài liệu để tính giá thành sản phẩm*

Tùy vào phương pháp tính giá thành, có các tài liệu cụ thể, những tài liệu cần thiết cho mọi phương pháp là:

- + Chi phí sản xuất đã được tập hợp trong kỳ ( dựa vào sổ chi tiết của từng công trình, hạng mục công trình, từng đơn đặt hàng...)
  - + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ (nếu có) căn cứ vào kết quả kiểm kê, đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ
  - + Khối lượng sản phẩm xây dựng đã hoàn thành
- Ngoài ra, tùy theo phương pháp tính giá thành để có các tài liệu bổ sung.
- + Sản lượng thực tế của từng loại sản phẩm
  - + Giá thành định mức

#### *1.3.3.2- Tổ chức hệ thống sổ kế toán( bảng tính giá thành) để tính giá thành sản phẩm xây dựng.*

Để phục vụ cho kế toán quản trị của doanh nghiệp thì ta phải tính giá thành theo đối tượng cụ thể như công trình, hạng mục công trình ...Kế toán phải mở sổ (bảng) tính giá thành. Tùy thuộc vào phương pháp tính giá thành để kế toán trưởng thiết kế mẫu sổ (bảng) tính giá thành phù hợp.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG DỊCH VỤ NGÔ QUYỀN**

### **2.1- Khái quát về Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

#### **2.1.1- Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân là Liên đội thanh niên xung phong xây dựng kinh tế quận Ngô Quyền, xuất phát từ đòi hỏi thực tế và sự phát triển vươn lên của đơn vị. Căn cứ Chỉ thị số 12/CTTW của Ban Bí thư và Quyết định 268/HĐBT ngày 30/7/1990 cho phép các đơn vị kinh tế đoàn thể được chuyển hướng sang làm kinh tế như các doanh nghiệp nhà nước. Ngày 4/8.1993 UBND Thành phố Hải Phòng cấp giấy phép số 123/GPUB thành lập Xí nghiệp Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền xây dựng ngân sách Đảng trực thuộc quận ủy Ngô Quyền. Trong 2 năm thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo mô hình mới Xí nghiệp luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất với doanh thu năm sau cao hơn năm trước, đã có lãi, tích lũy, nộp ngân sách ngày càng tăng. Đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện. Xí nghiệp đã thích ứng với cơ chế thị trường trong sản xuất kinh doanh, uy tín ngày càng cao với khách hàng, sản phẩm do Xí nghiệp làm ra có chất lượng và được đánh giá cao. Thực hiện quyết định số 196/CT ngày 5/6/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư 283/CN ngày 6/1/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc quản lý các đơn vị làm kinh tế Đảng, đoàn thể. Để việc tổ chức sản xuất kinh doanh, xây dựng ngân sách Đảng theo đúng luật pháp và các quy định của Chính phủ trên cơ sở quy hoạch và phát triển Thành phố, tất cả các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng ngân sách Đảng đều trực thuộc Ban Tài chính Kinh tế Thành ủy. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của Xí nghiệp xây dựng dịch vụ Ngô Quyền trên cơ sở vật chất, đội ngũ CBCNV khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng và kinh doanh dịch vụ tổng hợp, căn cứ vào điều kiện đăng ký thành lập, giải thể doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng và Xí nghiệp xây dựng Dịch

vụ Ngô Quyền theo quyết định số 797/QĐ - UB ngày 25/04/1996 UBND Thành phố Hải Phòng.

Căn cứ nghị định số 25/2010/NĐ- CP ngày 19/03/2010 của chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước là chủ sở hữu. Ngày 27/11//2010 chuyển thành công ty TNHH một thành viên Xây dựng dịch vụ Ngô Quyền theo quyết định số 1813 - QĐ/TU của Thành ủy Hải Phòng.

### **2.1.2- Đặc điểm tổ chức bộ máy.**

Qua sự biến động của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền, với sự hình thành của nó thì cơ cấu tổ chức bộ máy lãnh đạo cũng được hoàn thiện đảm bảo yêu cầu nói chung của nền kinh tế cũng như ngành xây dựng nói riêng, đảm bảo đổi mới có chế quản lý, giảm bộ máy quản lý.

Cho đến nay cơ cấu tổ quản lý của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền được tổ chức như sau:

- Ban lãnh đạo : Giám đốc phụ trách điều hành mọi hoạt động của toàn bộ công ty. Ngoài ra còn có các phó giám đốc phụ việc cho giám đốc.

- Phòng kinh tế- kỹ thuật: Nhiệm vụ là tính toán lập dự toán và thanh quyết toán các hạng mục công trình xây dựng, kiểm tra tiến độ thi công và chất lượng công trình

- Phòng Ban quản lý các dự án đầu tư :Tổ chức quản lý và thực hiện các dự án do công ty làm chủ đầu tư.Tham gia đấu thầu các công trình .Hướng dẫn và giám sát các đơn vị thuộc công ty thực hiện dự án đấu thầu theo đúng quy trình quản lý ĐTXD cơ bản.Quản lý công trình theo đúng tiêu chuẩn quản lý đầu tư XD CB.Chuẩn bị các thủ tục cho giám đốc công ty giao kế hoạch và xét duyệt kế hoạch đấu thầu của các đơn vị trực thuộc.Giúp giám đốc kiểm tra và tổng hợp quá trình thực hiện kế hoạch,phát hiện các vấn đề và đề xuất hướng giải quyết

- Đội thi công cơ giới : Tham mưu cho giám đốc về quản lý chất lượng ,kỹ thuật công trình .Bám sát công trường kiểm tra kỹ thuật thi công ,đôn đốc công tác an toàn lao động ,phòng chống cháy nổ ,giữ gìn an ninh trật tự tại hiện trường.Kiểm

tra thiết kế thi công ,kiểm tra hồ sơ hoàn công và quyết toán công trình .Đối với đội thi công cơ giới có trách nhiệm quản lý toàn bộ ô tô thiết bị và máy móc phục vụ thi công .Thi công công trình hạ tầng cơ sở như san lấp ,đê ,kè ...Tổ chức chương trình bảo dưỡng ,sửa chữa các thiết bị theo định kỳ và báo cáo trình Giám đốc duyệt.

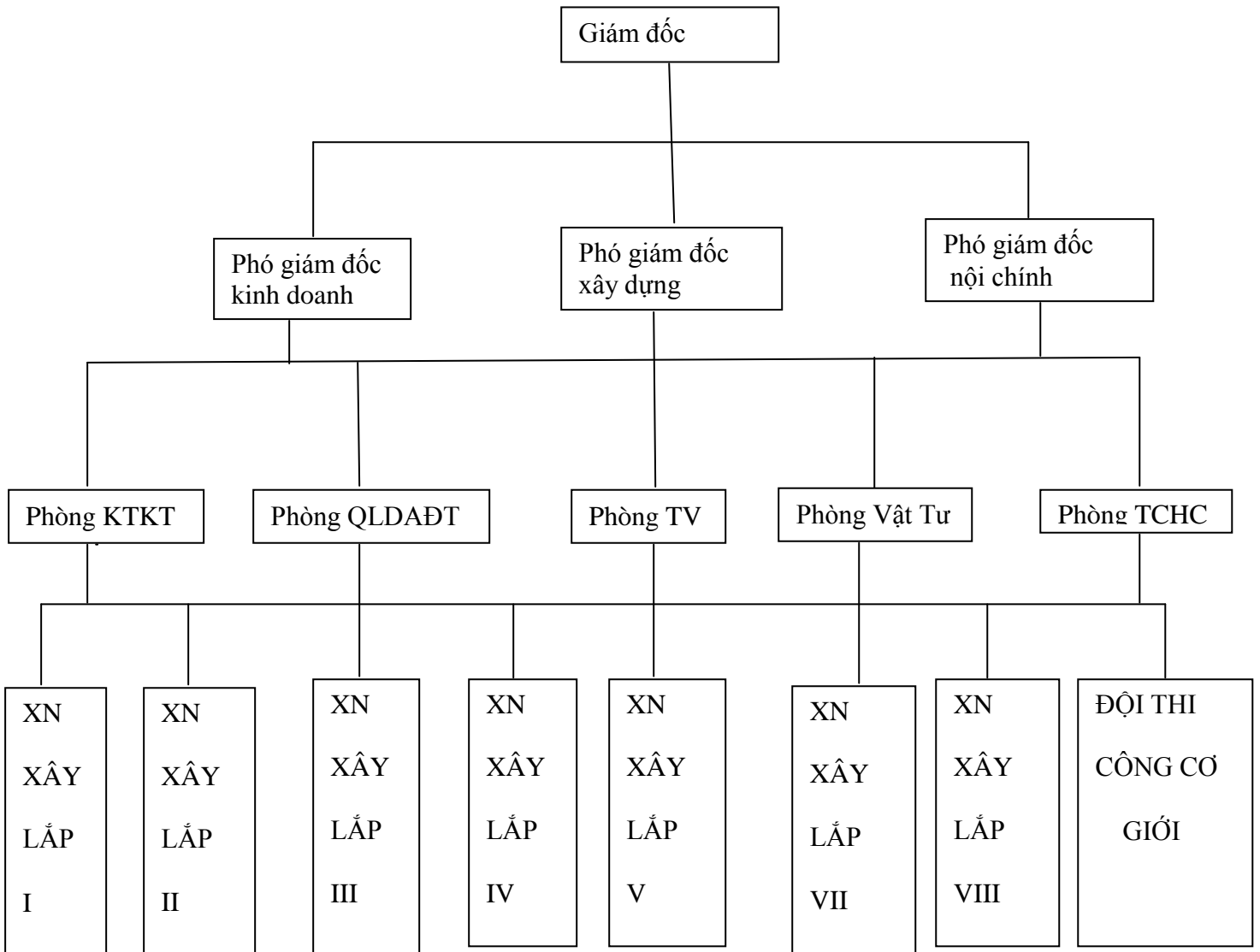
- Phòng tài vụ: Nhiệm vụ là cấp phát và giám đốc chặt chẽ các mặt chi tiêu hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh của toàn bộ công ty. Ban giám đốc kết hợp với phòng tài vụ phụ trách việc ký kết hợp đồng kinh tế, xây dựng.

- Phòng vật tư: Cung cấp vật tư ,kiểm tra ,giám sát khối lượng ,chất lượng ,chủng loại vật tư đưa vào công trường .Khảo sát giá cả thị trường ,tham mưu cho lãnh đạo công ty và các đơn vị trực thuộc về giá cả nơi cung cấp đủ về số lượng ,đúng về chủng loại và giá thành rẻ.

- Phòng tổng hợp ( tổ chức hành chính): Nhiệm vụ là chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

- Các Xí nghiệp trực thuộc là đơn vị hoạch toán nội bộ .Tổ chức hoạt động xây lắp các công trình theo chức năng sản xuất của công ty.Chịu trách nhiệm trước pháp luật và lãnh đạo Công ty về hoạt động SXKD của đơn vị .Được quyền chủ động trong tổ chức sản xuất ,tự trả lương theo quy định của Nhà nước .Chịu phân công quản lý của lãnh đạo công ty.Tùy theo từng thời kỳ phát triển của công ty ,giám đốc công ty có thể thành lập mới ,sát nhập ,giải thể các đơn vị của công ty. Sau đây là mô hình tổ chức sản xuất, tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền.

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty được mô tả bằng sơ đồ 2.1

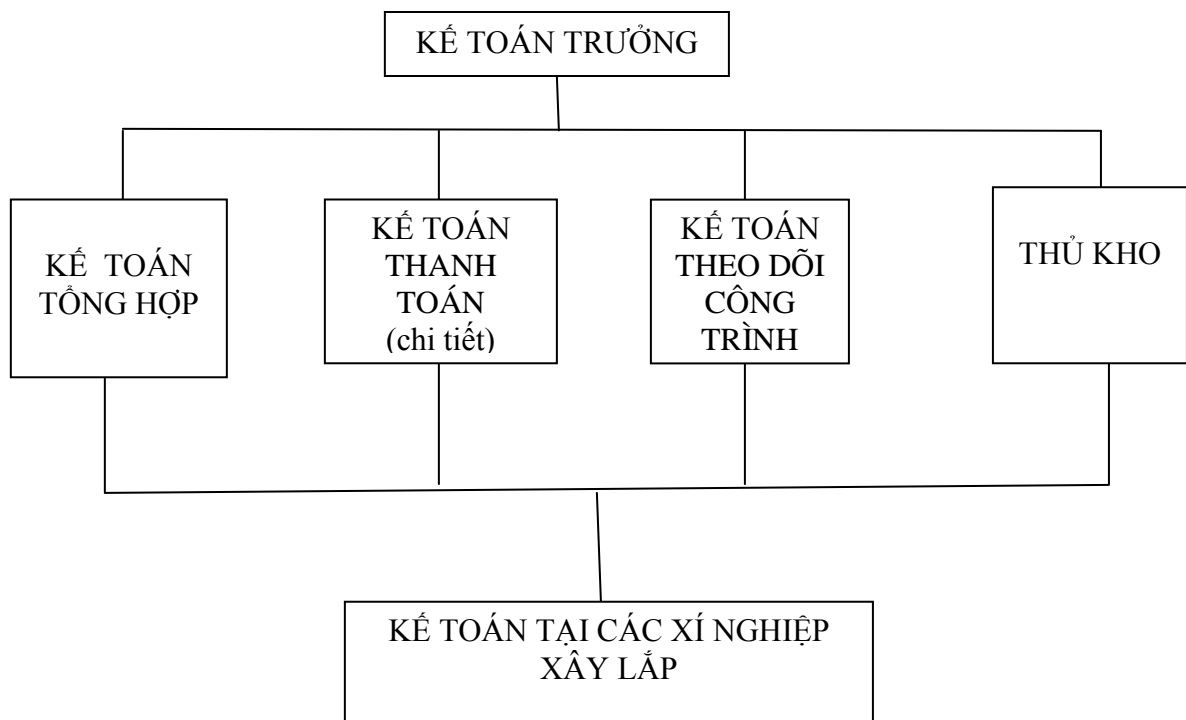


### Tổ chức bộ máy kế toán

Cùng với sự hoàn thiện của tổ chức quản lý trong công ty thì bộ máy kế toán cũng được hoàn thiện, tổ chức toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho công tác kế hoạch được tốt



Bộ máy kế toán của công ty được bố trí theo sơ đồ 2.2



Mỗi xí nghiệp xây dựng có một đội trưởng là kỹ sư xây dựng phụ trách điều hành chung, một kế toán phụ trách toàn bộ phần hạch toán cho chi phí sản xuất của xí nghiệp, theo dõi phần tiền đã ứng của công ty về xí nghiệp, thu thập đầy đủ chính xác các chứng từ gốc phát sinh từng công trình trong xí nghiệp. Cuối tháng tập hợp chi phí sản xuất gửi về công ty. Mỗi xí nghiệp có một thủ kho kim thủ quỹ quản lý trực tiếp toàn bộ tài sản, vật tư thiết bị máy móc và thiết bị vật tư khác hiện có trong công trình. Mỗi xí nghiệp có từ 1 đến 3 kỹ thuật phụ trách toàn bộ khối lượng các hạng mục công trình. Kiểm tra thiết kế thi công, thiết kế kỹ thuật, xử lý kỹ thuật, phân công công nhân làm việc, nghiệm thu khối lượng hàng ngày. Với cách tổ chức sản xuất như vậy phù hợp với đặc điểm ngành xây dựng cơ bản. Do đó mà hàng năm công ty đã hoàn thành khối lượng xây dựng tương đối lớn và chất lượng cao.

### **2.1.3- Chức năng và nhiệm vụ**

Nhiệm vụ Công ty là nhận thầu xây lắp các công trình, công ty còn được giao thêm nhiệm vụ là thực hiện các công trình thủy lợi, giao thông và các ngành khác.

Đi đôi với việc thực hiện nhiệm vụ chính chuyên môn hoá phải đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tổng hợp kể cả những nhiệm vụ kinh tế kỹ thuật nhằm tận dụng khai thác và phát huy hết tiềm năng và trang thiết bị, vật tư, tiền vốn lao động, đội ngũ kỹ thuật nhằm tạo ra nguồn vật tư sản phẩm hàng hoá cho ngành xây dựng và cho xã hội. Đảm bảo sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả kinh tế cao. Trên cơ sở đó đóng góp nhiều ngày công cho Nhà nước và không ngừng nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ công nhân viên.

#### **2.1.4- Đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền là một công ty thuộc ngành xây dựng. Công ty xây dựng các công trình Nông nghiệp, công nghiệp, dân dụng. Công ty hạch toán độc lập và có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ....

Công ty được tự chủ về kế hoạch sản xuất, có đủ tư cách pháp nhân đứng ra ký kết các hợp đồng mua bán vật tư, cung cấp sản phẩm lao vụ.

#### **2.1.5- Đặc điểm quy trình sản xuất của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Do đặc điểm của ngành xây dựng và của sản phẩm xây dựng cơ bản nên quy trình sản xuất của công ty có đặc điểm sản xuất liên tục, phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau (điểm dừng kỹ thuật) mỗi một công trình đều có dự toán thiết kế riêng và thi công ở các địa điểm khác nhau. Thường quy trình sản xuất của các công trình như sau: Giai đoạn khảo sát thiết kế, giai đoạn san nền, giải phóng mặt bằng, đào đất, làm móng và xây thô,...

Mỗi giai đoạn đều tiêu hao định mức nguyên vật liệu, tiêu phí nguyên vật liệu trực tiếp. Đây là chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành công trình xây dựng, nó chiếm khoảng 75% tổng chi phí sản xuất.

Các đội xây dựng thuộc công ty khi nhận khoán xây dựng công trình sẽ căn cứ vào dự toán, thiết kế định mức vật tư lập cho công trình để mua sắm vật tư. Công ty thi công cả công trình dân dụng, cả công trình công nghiệp nên chi phí vật liệu trong kỳ rất đa dạng về chủng loại. Do đó để tổ chức quản lý vật liệu cũng như tổ chức

kiểm tra định mức tiêu hao vật liệu thì Công ty tiến hành phân loại vật liệu và sử dụng sổ luân chuyển vật liệu để theo dõi chi tiết tình hình nhập, xuất vật liệu, kiểm tra đối chiếu theo nguyên tắc của hạch toán chi tiết vật liệu theo hình thức sổ luân chuyển vật liệu.

- Về tài sản cố định: Có nguồn hình thành từ ngân sách cấp, nguồn vốn tự có, nguồn vốn tín dụng,...

Khi các đội tiến hành thi công các công trình này cần sử dụng máy móc thi công thì công ty sẽ điều xuống công trình, khoản chi phí này chiếm khoảng 2% trong giá thành.

- Đối với tiền lương: Khoản chi phí này chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi phí sản xuất, trong kỳ nó chiếm khoảng từ 12- 15% trong điều kiện hiện nay.

- Các chi phí gián tiếp: Khoản chi phí này của công ty cũng rất phức tạp chứa nhiều nội dung kinh tế khác nhau liên quan nhiều chế độ thuế tài chính, khoản chi phí này chiếm khoảng 3,5% trong giá thành.

- Chi phí sản xuất chung: Đây là toàn bộ các chi phí phục vụ cho quá trình tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý trong phạm vi phân xưởng sản xuất bao gồm:

- + Chi phí tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp
- + Chi phí khấu hao máy móc thiết bị
- + Các khoản chi khác gồm: các dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại,...
- + chi phí bằng tiền khác

#### **2.1.6- Trình tự ghi và hạch toán của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ**

##### **Ngô Quyền**

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ áp dụng tại Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền gồm:

1. Sổ chứng từ ghi sổ
2. Sổ cái
3. Các sổ chi tiết

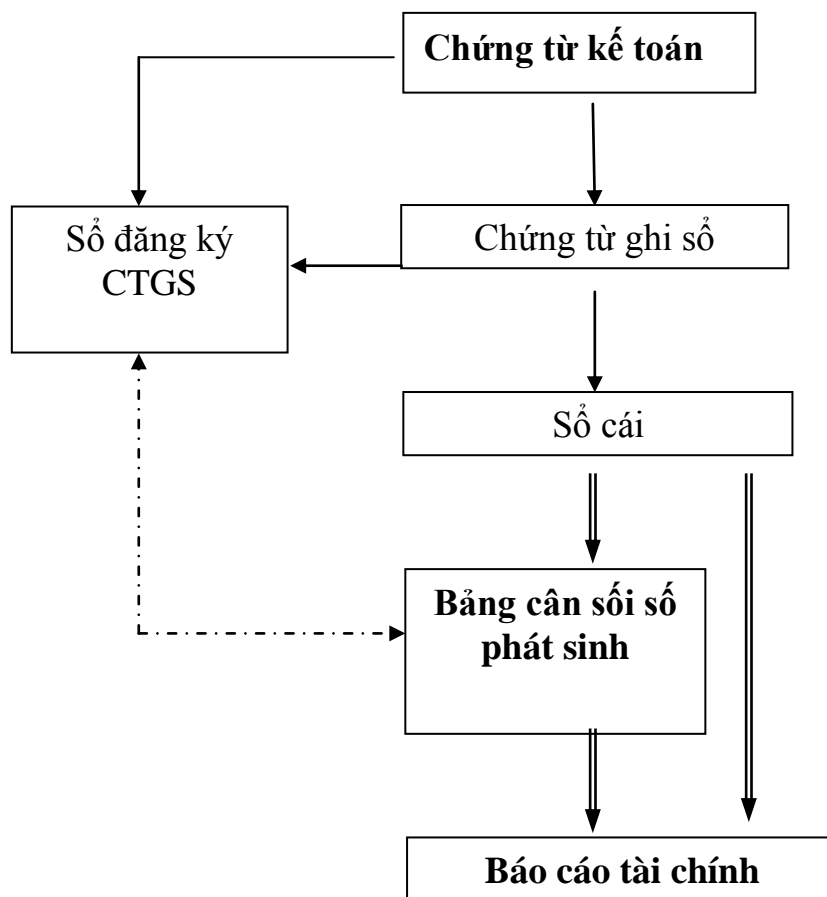
Căn cứ vào các chứng từ kế toán lập chứng từ ghi sổ, đến cuối quý căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ cái.

- *Sổ cái*: dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong

từng kỳ và trong một niên độ kế toán theo tài khoản kế toán. Số liệu trên sổ cái phản ánh tổng hợp tình hình tài sản, nguồn vốn và tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ cuối tháng, kế toán lấy số liệu để ghi vào sổ cái của từng tài khoản.

- *Sổ thẻ chi tiết*: dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý như: tài sản, vật tư, hàng hoá, thành phẩm... các đơn vị phải mở sổ, thẻ kế toán chi tiết. Đây là loại sổ kế toán dùng để ghi chi tiết các sự việc đã ghi trên sổ kế toán tổng hợp nhằm phục vụ yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra và phân tích..

Sơ đồ chứng từ ghi sổ tại công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền



Sơ đồ 2.3

**Ghi chú :**

- > Nhập số liệu hàng ngày, in chứng từ hàng ngày.
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- ←----> Đối chiếu, kiểm tra.

## **2.2- Thực trạng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền.**

### **2.2.1- Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

#### *2.2.1.1- Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất*

Tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên và đặc biệt quan trọng trong công tác hạch toán và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Xuất phát từ đặc điểm của công ty và loại hình sản xuất của công ty là xây dựng, nên sản phẩm chủ yếu của công ty là sản phẩm xây dựng như các công trình, hạng mục công trình ...

Để đảm bảo cho công tác quản lý được liên tục và chi tiết, khi công trình bắt đầu khởi công đến khi hoàn thành, ở bộ phận công trình sẽ lập kế hoạch vật tư, tiền vốn của từng tháng, từng quý để gửi về phòng tài vụ của công ty, trên cơ sở đó công ty cấp vật tư, tiền vốn để công trình hoạt động và cuối mỗi tháng công trình tập hợp chứng từ và bảng sản phẩm hoàn thành của từng tháng gửi về phòng tài vụ của công ty.

Bộ phận kế toán công ty phân công từng kế toán viên phụ trách trực tiếp theo dõi từng công trình, mỗi công trình đều mở riêng một sổ chi tiết.

Hiện nay công ty tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm theo các khoản mục sau:

- Chi phí trực tiếp : + Chi phí vật liệu
  - + Chi phí nhân công
  - + Chi phí máy
- Chi phí gián tiếp
- Chi phí khác
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài.

Đến cuối tháng căn cứ vào chứng từ gốc và sổ chi tiết cho từng công trình, kế toán tập hợp các số liệu để lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất trong tháng, hết mỗi quý kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất của quý đó, trên

cơ sở đó tính giá thành sản phẩm trong quý.

### *2.2. 1.2- Đối tượng tính giá thành*

Đối tượng tính giá thành của công ty là các khối lượng sản phẩm xây lắp của công ty được coi là hoàn thành, mặt khác do tính chất và đặc điểm của sản phẩm xây dựng nên đối tượng tính giá thành công tác xây dựng được công ty được lựa chọn là từng công trình, từng hạng mục công trình.

Xuất phát từ đặc điểm của tổ chức sản xuất lâu dài nên tính giá thành của công ty được xác định theo quý.

### **2.2.2- Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu của công ty.**

Nguyên vật liệu trong công ty chủ yếu là gạch, cát đá, sỏi, sắt thép, xi măng,... dùng vào việc thi công công trình, loại chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong công trình xây dựng .

- Kế toán vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp được phản ánh vào các TK sau: 151, 152, 153, giá trị vật liệu xuất dùng trong xây lắp gọi là chi phí vật liệu trực tiếp được phản ánh vào TK 621 còn vật liệu sử dụng cho việc quản lý sản xuất thì được phản ánh vào TK 627.

Để thuận tiện cho việc theo dõi và vào các bảng biểu một cách có hệ thống, em xin trình bày cụ thể một công trình: “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”.

Khi công trình đi vào khởi công Ban chỉ huy công trình phải lập bảng kế hoạch các khoản chi phí dùng cho công trình nộp về cho công ty như:

- Tiền vốn - vật tư
- Lương thợ
- Lương Ban chỉ huy
- Chi phí sản xuất chung
- Chi phí khác

Phòng kế toán căn cứ vào bảng kế hoạch đã được Ban giám đốc duyệt để cung cấp vật tư tiền vốn cho công trình đảm bảo cho công trình hoạt động liên tục không bị gián đoạn vì lý do thiếu vật tư hay tiền vốn.

Khi xuất kho nguyên vật liệu kế toán căn cứ vào giấy đề nghị được duyệt

hợp lý, hợp lệ, hợp pháp viết phiếu và giao cho thủ kho, thủ kho vào thẻ kho theo từng loại vật liệu cuối tháng tập hợp vật tư và gửi về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại việc ghi chép số liệu trên sổ theo dõi nhập xuất tồn nguyên vật liệu của thủ kho.

Đối với những vật liệu được phép hao hụt như gạch, vôi, cát, đá,... thì khối lượng nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Khối lượng} & & \text{Khối} & & \text{Khối lượng} & & \text{Khối} & & \text{Hao hụt} \\ \text{vật liệu còn} & = & \text{lượng tồn} & + & \text{nhập trong} & - & \text{lượng} & + & \text{theo định} \\ \text{lại cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{xuất trong} & & \text{mức} \\ & & & & & & \text{kỳ} & & \end{array}$$

Còn khối lượng vật tư có thể đo đếm được chính xác như xi măng sắt thép,... thì số lượng tồn kho cuối kỳ sẽ được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Khối lượng} & = & \text{Khối lượng} & + & \text{Khối lượng} & - & \text{Khối lượng} \\ \text{tồn cuối kỳ} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{xuất trong kỳ} \end{array}$$

Sau khi hoàn thành kiểm kê kho vật tư các bên liên quan phải tiến hành lập biên bản kiểm kê làm cơ sở cho việc ghi sổ kế toán.

#### *2.2.2.1- Trường hợp nguyên vật liệu xuất từ kho công ty.*

Khi mua nguyên vật liệu về nhập kho dùng cho việc thi công các công trình ta có phiếu nhập kho sau :

**Đơn vị: Công ty TNHH**

**Phiếu Nhập kho**

*Mẫu số 01 – VT*

**MTV xây dựng dịch vụ**

**Số : 175**

*Theo QĐ số*

**Ngô Quyền**

**Ngày 02 tháng 11 năm  
2010**

*15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của BTC*

Tên người nhập : Nguyễn Văn Cường

Nhập vào kho : Công ty

Ghi có vào TK 1111

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
			Xin nhập	Thực nhập			
1	Xi măng BS	Tấn	15	15	660.000	9.900.000	
2	Gạch ốp(20 x20)	Hộp	25	25	49.000	1.225.000	
3	Gạch ốp(20 x30)	Hộp	115	115	50.000	5.750.000	
4	Thép hình	kg	1.220	1.220	10.500	12.810.000	
5	Tôn mạ màu	kg	850	850	20.000	17.000.000	
6	Gạch chỉ	Viên	15.000	15.000	450	6.750.000	
	<b>Cộng</b>					<b>53.435.000</b>	

*Tổng số tiền(viết bằng chữ):Năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Thủ kho**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(ký, họ tên)*



Căn cứ vào phiếu nhập kho kế toán phản ánh vào bảng kê phân loại chứng từ như sau :

Nợ TK 152 : 53.435.000(đ)

Có TK 111 : 53.435.000(đ)

Khi xuất kho vật tư: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, nhu cầu thực tế và định mức tiêu hao NVL cho mỗi loại sản phẩm do Công ty quy định. Nhân viên phụ trách cung tiêu sẽ lập phiếu yêu cầu xuất vật tư, ghi danh mục vật liệu cần lĩnh về số lượng, chỉ huy công trình duyệt sau đó gửi lên phòng kế toán. Phòng kế toán viết phiếu xuất kho theo số lượng căn cứ vào yêu cầu xuất kho, mà chỉ huy gửi lên.

Trong tháng, kế toán theo dõi phần xuất kho theo số lượng vào cuối tháng theo từng loại NVL. Kế toán thực hiện việc tính giá thành thực tế của NVL xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{rcl} \text{Đơn giá bình} & & \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{quân đơn vị vật} & & \text{tồn đầu tháng} \\ \text{liệu xuất kho} & = & \text{Số liệu vật liệu} \\ & & \text{tồn đầu tháng} \end{array} \quad \begin{array}{l} + \\ + \end{array} \quad \begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{nhập trong tháng} \\ \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{nhập trong tháng} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcl} \text{Trị giá vật liệu} & = & \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{xuất kho} & & \text{xuất kho} \end{array} \quad \times \quad \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{gia quyền} \end{array}$$

Khi có phiếu yêu cầu xuất vật tư kế toán lập phiếu xuất kho để phục vụ nhu cầu vật liệu cho các công trình

**Đơn vị: Công ty TNHH**

**Phiếu xuất kho**

*Mẫu số 02 – VT*

**MTV xây dựng dịch vụ**

**Số : 182**

*Theo QĐ số*

**Ngô Quyền**

**Ngày 12 tháng 11 năm  
2010**

*15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của BTC*

Đối tượng xuất: Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Lý do xuất: Xuất cho nhu cầu vật tư của công trình

Xuất cho: Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Xuất tại kho : Công trình

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
			Xin nhập	Thực nhập			
1	Xi măng BS	Tấn	15	15	660.000	9.900.000	
2	Gạch ốp(20 x20)	Hộp	25	25	49.000	1.225.000	
3	Gạch ốp(20 x30)	Hộp	115	115	50.000	5.750.000	
4	Thép hình	kg	1.220	1.220	10.500	12.810.000	
5	Tôn mạ màu	kg	850	850	20.000	17.000.000	
6	Gạch chỉ	Viên	15.000	15.000	450	6.750.000	
	<b>Cộng</b>					<b>53.435.000</b>	

*Tổng số tiền: Năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn*

Người lập  
(ký, họ tên)

Người nhận  
hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán  
trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán phản ánh giá trị vật liệu xuất dùng như sau:

Nợ TK 621: 53.435.000(đ) – C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 152: 53.435.000 (đ)

Trong tháng công ty thi công đồng thời công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”

Vật liệu xuất kho dùng cho thi công công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”. Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho số 170 ngày 05 tháng 11 năm 2010 để ghi sổ như sau:

Nợ TK 621: 147.156.029 đ - Công trình “ Trường tiểu học khu A xã YH”

Có TK 152: 147.156.029 đ

#### *2.2.2.2- Trường hợp nguyên vật liệu xuất thẳng không qua kho.*

Vật tư mua về không qua kho công ty mà chuyển thẳng xuống công trình để thi công thì kế toán căn cứ vào hoá đơn, kèm phiếu xuất kho của bên bán đã có xác nhận của ban chỉ huy công trình đã nhận vật tư ghi trong hoá đơn kế toán công ty ghi:

Nợ TK 621: Chi tiết cho từng công trình

Nợ TK 133: thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331....:

Trong tháng 11 có các chứng từ liên qua đến tình hình mua vật tư.

- Căn cứ vào phiếu chi số 165(Biểu 01) ngày 14 tháng 11 năm 2010. Anh Nguyễn Văn Thành thanh toán tiền mua sắt Φ12 cho công trình ( đã chuyển thẳng tới công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”) số tiền là: 1.293.600 đồng thuế GTGT 5% : 64.680 đồng

Kế toán tiến hành ghi sổ như sau:

Nợ TK 621: 1.293.600(đ) – C trình nhà hiệu bộ Yên Lạc

Nợ TK 133: 64.680 (đ)

Có TK 111: 1.358.280 (đ)

- Căn cứ vào phiếu chi số 172 (Biểu 02) ngày 19 tháng 11 năm 2010 . Chi Nguyễn thị Phượng thanh toán tiền mua Xi măng cho công trình ( đã chuyển thẳng tới công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”) số tiền là: 15.180.000 đồng  
thuế GTGT 5% : 759.000 đồng

Kế toán tiến hành ghi sổ như sau:

Nợ TK 621: 15.180.000 (đ) – C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Nợ TK 133: 759.000 (đ)

Có TK 111: 15.939.000(đ)

Trong tháng 11/2010 trị giá vật tư xuất thẳng cho công trình “ Nhà hiệu bộ Yên Lạc” chưa thanh toán cho người bán là : 67.679.400 đồng, kế toán căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng của vật tư mua về để ghi sổ.

Ví dụ: ngày 10 tháng 11/2010 anh Nguyễn văn Thành mua 275 m<sup>2</sup> gạch lát chưa thanh toán cho người bán số tiền là: 13.750.000 đồng , kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0071531 để ghi sổ như sau:

Nợ TK 621: 13.750.000 (đ) – C trình nhà hiệu bộ Yên Lạc

Có TK 331: 13.750.000(đ)

Các loại vật tư mua xuất thẳng cho công trình chưa thanh toán đều ghi tương tự

Trong tháng 11/2010 tại công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng” tổng chi phí nguyên vật liệu xuất thẳng không qua kho ( chưa thanh toán cho người bán) phát sinh là: 106.610.000 đồng trong đó VAT là: 4.060.000 đồng kế toán căn cứ vào các hoá đơn bán hàng để ghi sổ như sau:

Nợ TK 621:102.550.000 đ -C trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”

Nợ TK 133: 4.060.000 đ

Có TK 331: 106.610.000 đ

Chi phí nguyên vật liệu bằng tiền mặt dùng cho công trình “Trường tiểu học xã Yên Hùng” Kế toán căn cứ vào phiếu chi số 152 (Biểu 03) ngày 07 /11 /2010 ghi sổ như sau:

Nợ TK 621: 1.200.000 đ -C trình “Trường tiểu học xã Yên Hùng”

Có TK 111: 1.200.000 đ

#### *2.2.2.3- Trường hợp vật liệu luân chuyển*

Vật liệu luân chuyển như cốt pha, cây chống vẫn còn sử dụng cho lần sau thì phản ánh toàn bộ vật liệu luân chuyển vào TK 142, đồng thời căn cứ vào kế hoạch phân bổ ước tính cho từng công trình đã sử dụng kế toán ghi:

Nợ TK 142 :

Có TK 152:

Khi tiến hành phân bổ cho từng công trình kế toán ghi:

Nợ TK 621: chi tiết từng công trình

Có TK 142:

Trong tháng 11/20010 công trình “Trường tiểu học khu xã Yên Hùng” sử dụng cốt pha, ván gỗ và gậy chống, chi phí ước tính cho công trình là 3.400.000 đồng kế toán ghi sổ như sau:

Nợ TK 621: 3.400.000 đ -C trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”

Có TK 142: 3.400.000 đ

#### *2.2.2.4- Trường hợp vật tư không dùng hết.*

Khi công trình đã hoàn thành mà vật tư vẫn còn chưa sử dụng hết thì ban chỉ huy công trình bao gồm kế toán công trình, thủ kho, phụ trách công trình cùng tiến hành kiểm kê kho vật tư và lập biên bản kiểm kê vật tư chưa sử dụng hết vào công trình phản ánh về công ty.

Biên bản kiểm kê vật tư như sau:

Biên bản kiểm kê vật tư

Tháng 11 năm 2010

Công trình: **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**

Vào hồi 8h ngày 30 tháng 11 năm 2010, chúng tôi gồm có:

- 1- Đồng chí : Lê Thanh Long - Chỉ huy trưởng
- 2- Đồng chí : Nguyễn Thanh Tùng – Thủ kho
- 3- Đồng chí: Nguyễn Văn Hải – Kế toán

Cùng tiến hành kiểm kê vật tư tồn kho tại công trình đến ngày 30 tháng 11 năm 2010 như sau:

TT	Tên vật tư	đơn vị	SL theo sổ sách	SL thực tế	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	Gạch chỉ	Viên	4200	4.200	450	1.890.000	
2	Xi măng BS	Tấn	3,5	3,5	6600.000	2.310.000	
3	Đá 1 x 2	M3	5	5	109.520	547.600	
4	Cát vàng	M3	7	7	71.428	500.000	
5	Sắt Φ12	Kg	50	50	13.200	660.000	
6	Tôn mạ màu	Kg	50	50	20.000	1.000.000	
7	Gạch ốp 20 x30	Hộp	20	20	50.000	1.000.000	
	<b>Cộng</b>					<b>7.908.000</b>	

Chỉ huy trưởng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán công trình  
(ký, họ tên)

Căn cứ vào biên bản kiểm kê kho vật tư của công trình kế toán ghi:

Nợ TK 152 : **7.908.000 (đ)**

Có TK 621: **7.908.000 (đ)** – C trình nhà hiệu bộ xã Yên lạc

Theo biên bản kiểm kê vật tư tháng 11 /2010 của công trình “Trường tiểu học xã Yên Hùng” vật tư chưa sử dụng hết cho công trình để tại công trình là 10.582.000 đ kế toán ghi sổ:

Nợ TK 154: 10.582.000 đ - C trình “Trường tiểu học xã Yên Hùng ”

Có TK 621: 10.582.000 đ

- Kế toán căn cứ vào các số liệu tập hợp được để mở sổ chi tiết TK 621 ,  
bảng thực hiện nhập xuất tồn vật tư.

**Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Sổ chi tiết TK 621

Công trình: **Nhà hiệu bộ xã Yên lạc**

Tháng 11 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền (đ)	
Số	Ngày			Nợ	Có
PX 182	12/11	Xuất kho NVL cho công trình	152	53.435.000	
PC 165	14/11	Mua NVL xuất thẳng cho công trình	111	1.293.600	
...	...	.....	....	...	....
BB	30/11	Kiểm kê vật tư không sử dụng hết nhập lại kho	152		7.908.000
	30/11	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		152.962.000
		<b>Cộng</b>		<b>160.870.000</b>	<b>160.870.000</b>

Người lập (ký, họ tên)

Kế toán trưởng( ký , họ tên)

Cuối tháng kế toán tiến hành lập bảng thực hiện nhập xuất tồn vật tư của toàn bộ các công trình thi công trong tháng.

**Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Bảng thực hiện nhập xuất tồn vật tư

Tháng 11 năm 2010

Đơn vị: đồng

TT	Tên công trình	Tồn đầu tháng	Nhập trong tháng	Xuất trong tháng	Tồn cuối tháng	Ghi chú
1	Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc	0	160.870.000	152.962.000	7.908.000	
2	Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng	0	254.306.029	243.724.029	10.582.000	
	<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>415.176.029</b>	<b>396.686.029</b>	<b>18.490.000</b>	

Căn cứ vào bảng nhập xuất tồn vật tư , trên cơ sở đó công ty có biện pháp lập kế hoạch vật tư và tiền vốn cho các tháng sau chi tiết đến từng công trình. Kế toán tiến hành lập bảng “nhập xuất tồn vật tư” cho từng công trình, sau đây là bảng “nhập xuất tồn vật tư” của công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”



Bảng nhập xuất tồn vật tư

Tháng 11 năm 2010

Công trình : Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Đơn vị: đồng

TT	Tên vật tư	đơn vị	Tồn Đkỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	ST	SL	S Tiền	SL	S Tiền	SL	S Tiền
1	Xi măng	Tấn			40	26.400.000	36.5	24.090.000	3.5	2.310.000
2	Thép hình	Kg			1.220	12.810.000	1.220	12.810.000		
3	Tôn mạ màu	Kg			850	17.000.000	800	16.000.000	50	1.000.000
4	Gạch chỉ	Viên			143.000	64.350.000	138.800	62.460.000	4.200	1.890.000
5	Đá 1 x 2	M3			25	2.738.000	20	2.190.400	5	547.600
6	Cát vàng	M3			35	2.499.980	28	1.999.984	7	499.996
7	Gạch lát	M2			275	13.750.000	275	13.750.000		
8	Gạch ốp 20x20	Hộp			25	1.225.000	25	1.225.000		
9	Gạch ốp 20 x 30	Hộp			115	4.750.000	95	4.750.000	20	1.000.000
10	Sắt Φ12	Kg			296	3.907.200	24	3.247.200	50	660.000
11	Cát san nền	M3			286	11.440.000	286	11.440.000		
	<b>Cộng</b>					<b>160.870.000</b>		<b>152.962.000</b>		<b>7.908.000</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Chi huy công trình (ký , họ tên)

Người lập( ký họ tên)

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại kế toán ghi vào các chứng từ ghi sổ:

**Công ty TNHH MTV**  
**Xây dựng dịch vụ**  
**Ngô Quyền**

**Mẫu số S02-DN**

**Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**

**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC**

**Chứng từ ghi sổ**

**Số : 68**

**Ngày 30 tháng 11 năm 2010**

**TK 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

**Đơn vị : đồng**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất kho vật liệu cho thi công công trình “Trường tiểu học xã Yên Hùng”	621	152	147.156.029	
Xuất kho vật liệu cho công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	621	152	53.435.000	
Chi phí vật liệu bằng tiền mặt của công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	621	111	1.200.000	
Mua NVL xuất thẳng cho công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	621	147.156.029	13.750.000	
Mua NVL xuất thẳng cho công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	621	111	1.293.600	
.....	.....	.....	.....	....
<b>Cộng</b>			<b>415.176.029</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Số : 69

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

TK 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đơn vị : đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc” hoàn thành VL sử dụng không hết nhập lại kho	152	621	7.908.000	
NVL của công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng” chưa sử dụng hết	154	621	10.582.000	
Kết chuyển CPNVL của công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên lạc”	154	621	152.962.000	
Kết chuyển CPNVL của công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	154	621	243.724.029	
<b>Cộng</b>			<b>415.176.029</b>	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Cuối tháng kế toán căn cứ vào các chứng từ ghi sổ và các chứng từ gốc tập hợp được trong tháng kế toán tiến hành ghi vào sổ cái tài khoản 621.

**Sổ cái**  
**TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
68	30/11	Xuất kho vật liệu cho thi công công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	152	147.156.029	
		Xuất kho vật liệu cho công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	152	53.435.000	
		Chi phí vật liệu bằng tiền mặt của công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	111	1.200.000	
		Mua NVL xuất thẳng cho công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	331	13.750.000	
		Mua NVL xuất thẳng cho công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	111	1.293.600	
...	...	.....	.....	.....	.....
69	30/11	Công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc” hoàn thành VL sử dụng không hết nhập lại kho	152		7.908.000
		NVL của công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng” chưa sử dụng hết	154		10.582.000
		Kết chuyển CPNVL của công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	154		152.962.000
		Kết chuyển CPNVL của công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	154		243.724.029
		<b>Cộng</b>		<b>415.176.029</b>	<b>415.176.029</b>

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2010  
Thủ trưởng đơn vị  
(ký, họ tên)

### **2.2.3- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty**

\* Nội dung chi phí nhân công trực tiếp

Trong giá thành xây dựng, chi phí nhân công chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong điều kiện của công ty máy thi công còn hạn chế. Do vậy việc thanh toán chi phí nhân công chính xác và hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong giá thành, nhưng còn phụ thuộc vào tình hình thi công mà công ty đã hợp đồng, số nhân công này được tổ chức thành các tổ sản xuất phục vụ cho từng yêu cầu thi công. Mỗi tổ sản xuất do một tổ trưởng phụ trách, tổ trưởng chịu trách nhiệm quản lý lao động và chịu trách nhiệm trước đội thi công công trình.

Hình thức trả công cho lao động trực tiếp mà công ty áp dụng là giao khoán từng khối lượng công việc và khoán gọn công việc.

Khối lượng công việc được giao khoán cho từng tổ, khối lượng giao khoán đã hoàn thành tổ trưởng tổ sản xuất cùng với chỉ huy trưởng công trình tiến hành kiểm tra nghiệm thu khối lượng hoàn thành và hợp đồng giao nhận khoán gọn khối lượng làm cơ sở để thanh toán.

Sau đây là hợp đồng giao nhận khoán gọn khối lượng công việc công trình” **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”:

Công ty TNHH MTV xây dựng

dịch vụ Ngô Quyền

Số : 05/ HĐKT

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

*Ngày 28 tháng 10 năm 2010*

Hợp đồng giao nhận khoán gọn khối lượng

- Tên công trình: **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**

- Địa điểm xây dựng: Trụ sở Xã Yên Lạc, huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá

A - Đại diện bên A

- Ông Lê thanh Long

- Chức vụ : Chỉ huy trưởng công trình

- Ông Nguyễn Văn Hải

- Chức vụ : Kế toán

B- Đại diện bên B

- Ông : Vũ Ngọc Bé

- Chức vụ : Tổ trưởng tổ thợ nề

Điều 1: Sau khi bàn bạc 2 bên nhất trí giao nhận khoán gọn khối lượng thi công một số hạng mục công việc sau:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Xây tường	M2	135	60.000	8.100.000
2	Đổ bê tông	M3	80	65.000	5.200.000
3	Gia công thép	Kg	12.862	500	6.431.000
4	ốp tường và nền, lợp mái chống nóng	Công	65	50.000	3.250.000
5	Công phát sinh	Công	20	50.000	1.000.000
	<b>Cộng</b>				<b>23.981.000</b>

Điều 2: Yêu cầu đảm bảo kỹ thuật, đúng bản vẽ, thi công đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3: Chế độ an toàn lao động bên B phải chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động. Nếu xảy ra tai nạn lao động bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Điều 4 : Thời gian bắt đầu từ ngày 30 tháng 10 năm 2010 hoàn thành vào ngày 28 tháng 11 năm 2010.

Điều 5: Chế độ thanh toán ứng 75% khối lượng, phần còn lại khi nghiệm thu xong sẽ thanh toán nốt

Điều 6 : Thuởng phạt:

- Đảm bảo kỹ thuật và đúng thời gian, thưởng 2% khối lượng hoàn thành
- Không đảm bảo đúng theo yêu cầu kỹ thuật, không đáp ứng theo tiến độ sản xuất phạt 5% khối lượng đã làm

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Chỉ huy trưởng

Kế toán

Kỹ thuật

Tổ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Sau khi kết thúc hợp đồng tổ trưởng cùng chỉ huy trưởng công trình tiến hành kiểm tra và nghiệm thu.

Công ty TNHH MTV xây dựng dịch  
vụ Ngô Quyền  
Số : 05

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

*Ngày 27 tháng 11 năm 2010*

**Bảng nghiệm thu khối lượng khoán gọn**

A- Đại diện bên giao:

- Ông Lê thanh Long - Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

B - Đại diện bên nhận:

- Ông Vũ Ngọc Bé - Chức vụ: Tổ trưởng tổ thợ nề

Căn cứ vào hợp đồng số 05 ngày 28 tháng 10 năm 2010 đã ký giữa 2 bên A và B để nay công việc đã hoàn thành 2 bên nhất trí nghiệm thu khối lượng:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Xây tường	M2	135	60.000	8.100.000
2	Đổ bê tông	M3	80	65.000	5.200.000
3	Gia công thép	Kg	12.862	500	6.431.000
4	ốp tường và nền, lợp mái chống nóng	Công	65	50.000	3.250.000
5	Công phát sinh	Công	20	50.000	1.000.000
	<b>Cộng</b>				<b>23.981.000</b>

Về thời gian: Đạt yêu cầu

Về chất lượng: Đạt chất lượng

Thưởng phạt: Không

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Chỉ huy trưởng  
(ký, họ tên)

Kế toán  
(ký, họ tên)

Kỹ thuật  
(ký, họ tên)

Tổ trưởng  
(ký, họ tên)



Đơn giá nhân công là đơn giá nội bộ công ty do phòng quản lý kỹ thuật công trình lập dựa trên cơ sở đơn giá quy định của nhà nước, sự biến động của thị trường và điều kiện thi công cụ thể nên lao động trực tiếp ở các công trình thuộc diện ngắn hạn hoặc hợp đồng thời vụ. Do vậy BHXH, BHYT không tính cho công nhân theo tháng mà tính toán hợp lý trong đơn giá nhân công trả trực tiếp cho người lao động dựa trên bảng nghiệm thu khối lượng khoán gọn hoàn thành gửi kèm lên phòng kế toán của công ty để xin thanh toán.

Sau khi hoàn thành các thủ tục cần thiết, kế toán lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền lương cho các tổ trưởng căn cứ vào bảng thanh toán khối lượng hoàn thành, phiếu đề nghị thanh toán, phiếu chi, kế toán tiến hành định khoản và ghi vào sổ kế toán liên quan.

Đối với công nhân thuộc công ty căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán lương kế toán ghi:

Nợ TK 622: - Chi phí nhân công trực tiếp ( chi tiết cho từng công trình )

Có TK 334: tiền lương phải trả lao động trong công ty

Có TK 111: thanh toán trực tiếp

Đối với công nhân thuê ngoài kế toán ghi:

Nợ TK 622: chi tiết cho từng công trình

Có TK 111:

Cuối kỳ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào TK 154 kế toán ghi:

Nợ TK 154: Chi tiết cho từng công trình

Có TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

- Căn cứ vào bản hợp đồng số 05 và biên bản nghiệm thu số 05 ngày 27 tháng 11 năm 2010 và phiếu chi số 185 (Biểu 04) ngày 29 tháng 11 năm 2010

Nợ TK 622: 23.981.000 (đ) – Công trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 111: 23.981.000(đ)

Căn cứ vào phiếu chi số 190 (Biểu 05) ngày 30 tháng 11 năm 2010 thanh toán lương trực tiếp công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” Kế toán ghi:

Nợ TK 622 : 6.835.000 (đ) – C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 111: 6.835.000 (đ)

Như vậy công ty sử dụng TK 334 ( phải trả công nhân viên) để thanh toán các tài khoản hạch toán đối với công nhân viên trong danh sách công ty và sử dụng TK 1111 –tiền Việt Nam .Sau đó số liệu này được ghi vào sổ cái liên quan đồng thời ghi vào sổ chi tiết chi phí công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

Đối với các công trình khác cũng hạch toán tương tự. Căn cứ vào bảng thanh toán lương cuối tháng kế toán lập các chứng từ ghi sổ.

Tại công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng” có chi phí nhân công phát sinh như sau:

- PC 191 (Biểu 06) ngày 30/11/2010 thanh toán lương công nhân thuê ngoài số tiền 14.400.000 đồng kế toán ghi sổ:

Nợ TK 622: 14.400.000 đ - C trình “ Trường tiểu học khu A xã YH”

Có TK 111: 14.400.000 đ

- Trích bảng tính lương và bảng chấm công của công nhân trực tiếp thi công (công nhân của công ty) số lương phải trả là: 12.468.700 đồng. Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 622: 12.468.700 đ -C trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”

Có TK 334: 12.468.700 đ

Dưới đây là các bảng biểu, sổ kế toán thể hiện quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp của công trình: “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

Bảng thanh toán lương

Tháng 11 năm 2010

Bộ phận: Ban chỉ huy công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”

Đơn vị : đồng

TT	Họ và tên	LCB	Hệ số	Lương thời gian		Lương CN+Thêm		Trách nhiệm	Tổng lương	Trừ BHLĐ	Còn lĩnh	Ký
				Công	Tiền	Công	Tiền					
1	Trần Văn Khải	730.000	2,4	26	1.752.000			300.000	2.052.000			
2	Ng. Thanh Hưng	730.000	2,1	24	1.533.000			250.000	1.783.000			
	...	..						..	..			
	<b>Cộng</b>								<b>6.835.000</b>			

Bảng chấm công

Tháng 11 năm 2010

Bộ phận: Ban chỉ huy công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”

T T	Họ và Tên	Lương cơ bản	Hệ số	Ngày trong tháng					Tổng cộng	Công làm thêm	Ký
				1	2	3	...	30			
1	Trần văn Khải	730.000	2,4	X	X	X		X	26		
2	Nguyễn thanh Hưng	730.000	2,1	X	X	X		X	24		
	Cộng										

Sổ chi tiết TK 622

Tháng 11 năm 2010

Công trình: **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
PC 185	29/11	Thanh toán lương khối lượng hoàn thành	111	23.981.000	
PC 190	30/11	Thanh toán lương trực tiếp công trình	111	6.835.000	
	30/11	Kết chuyển chi phí NC TT	154		30.816.000
		<b>Cộng</b>		30.816.000	30.816.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

- Trích chứng từ ghi sổ số 70 về chi phí nhân công trực tiếp

**Công ty TNHH MTV xây  
dựng dịch vụ Ngô Quyền**

**Mẫu số S02-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC**

Chứng từ ghi sổ

Số: 70

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

TK 622 –Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Trích yếu	TK đổi ứng	Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày				
PC 185	29/11	Thanh toán lương khối lượng hoàn thành công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	111	23.981.000	
PC 190	30/11	Thanh toán lương trực tiếp của công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	111	6.835.000	
PC 192	30/11	Thanh toán lương công nhân thuê ngoài công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	111	14.400.000	
BTL	30/11	Lương phải trả công nhân trực tiếp thi công công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	334	12.468.700	
		Cộng		57.684.700	

Chứng từ ghi sổ

Số: 71

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

TK 622 –Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Trích yếu	TK đôi ứng	Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày				
	30/11	Kết chuyển CPNC TT của công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	154	30.186.000	
		K/C CPNCTT của công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	154	26.868.700	
		Cộng		57.684.700	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

---

Trích sổ cái tài khoản 622- chi phí nhân công trực tiếp:

**Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

**Sổ cái**

TK 622 – chi phí nhân công trực tiếp

Tháng 11 năm 2010

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
70	30/11	Thanh toán lương khối lượng hoàn thành công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	111	23.981.000	
		Thanh toán lương trực tiếp của công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	111	6.835.000	
		Thanh toán lương công nhân thuê ngoài công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	111	14.400.000	
		Lương phải trả công nhân trực tiếp thi công công trình “ Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	334	12.468.700	
71	30/11	Kết chuyển CPNC TT của công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”	154		30.816.000
		K/C CPNCTT của công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng”	154		26.868.700
		Cộng		57.684.700	57.684.700

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

#### **2.2.4- Kế toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung ở Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý đội công trình
- Chi phí khấu hao máy móc thiết bị thi công
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

##### *a/ Chi phí nhân viên quản lý đội công trình*

Chi phí nhân viên quản lý đội công trình bao gồm lương chính, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương vào chi phí của nhân viên quản lý đội công trình như đội trưởng, kỹ thuật, thủ kho, kế toán đội... Phương pháp tính lương là theo dõi thời gian chấm công nhân viên. Do đó việc thanh toán lương chính và các khoản phụ cấp BHXH, BHLĐ cho nhân viên quản lý đội do phòng kế toán thực hiện căn cứ vào bảng chấm công ở các bộ phận gửi lên, căn cứ vào chế độ chính sách hiện hành của nhà nước về tiền lương và phương pháp phân phối của công ty.

Trích bảng thanh toán lương tháng 11 năm 2010

Tại đội thi công công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc” có 3 nhân viên quản lý đội là:

- |                         |                         |
|-------------------------|-------------------------|
| + Ông Lê Thanh Long     | Chức vụ: Chỉ huy trưởng |
| + Ông Nguyễn Văn Hải    | Chức vụ: Kế toán đội    |
| + Ông Nguyễn Thanh Tùng | Chức vụ: Thủ kho        |



**Bảng tính lương nhân viên quản lý đội công trình**

Công trình: Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Tháng 11 năm 2010

Stt	Họ và tên	Lương chính (đ)	Phụ cấp (đ)	Các khoản trích theo lương (22%) (đ)			
				BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN
1	Lê Thanh Long	1.800.000	300.000	288.000	54.000	36.000	18.000
2	Nguyễn Văn Hải	1.300.000	300.000	208.000	39.000	26.000	13.000
3	Nguyễn Thanh Tùng	1.000.000	150.000	160.000	30.000	20.000	10.000
	<b>Cộng</b>	<b>4.100.000</b>	<b>750.000</b>	<b>656.000</b>	<b>123.000</b>	<b>82.000</b>	<b>41.000</b>

Người Lập

Kế toán trưởng

Kế toán căn cứ vào bảng tính lương nhân viên quản lý đội công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc” để ghi sổ như sau:

- Lương phải trả nhân viên quản lý đội

Nợ TK 627.1 : 4.850.000 đ -C trình Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 334: 4.850.000đ

- Các khoản trích theo lương vào chi phí 22 % của nhân viên quản lý đội .

Nợ TK 627.1: 902.000 - C trình Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 338: 902.000

Chi phí nhân viên điều khiển vận hành máy thi công phát sinh trong tháng 11/2010 của công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc” số tiền là: 2.500.000 đồng khoản trích theo lương vào chi phí 22% là: 550.000 đồng. Kế toán căn cứ vào bảng tính lương của công trình để ghi sổ:

Nợ TK 627.1: 3.050.000đ - C trình Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 334: 2.500.000đ

Có TK338 : 550.000 đ

Tại công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng” trong tháng 11/2010 có các chi phí phát sinh như sau:

- Trích bảng tính lương nhân viên quản lý đội công trình số lương phải trả nhân viên quản lý đội 5.400.000 đồng (trong đó 400.000 đồng là phụ cấp) các khoản trích theo lương vào chi phí (22%) của nhân viên quản lý đội là 1.100.000 đồng, khoản trích theo lương vào chi phí của công nhân trực tiếp thi công ( công nhân nằm trong danh sách công ty) số tiền là: 2.369.053 đồng

- Trích bảng tính lương nhân viên vận hành điều khiển máy thi công. Lương phải trả nhân viên vận hành, điều khiển máy thi công : 2.200.000 đồng. Khoản trích theo lương vào chi phí là 484.000 đồng

*b/ Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho thi công công trình*

Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho thi công công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” kế toán mở sổ kế toán và thẻ TSCĐ để theo dõi toàn bộ TSCĐ của công ty hàng tháng, hàng quý trích khấu hao cơ bản, trích trước sửa chữa lớn TSCĐ. Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện ở trên sổ chi tiết trích khấu hao TSCĐ.

Trong tháng công trình nào sử dụng máy thi công của công ty thì số khấu hao TSCĐ và số trích trước sửa chữa lớn TSCĐ sẽ được tính vào chi phí sản xuất trong tháng của công trình đó.

Trong tháng 11 năm 2010 công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” có sử dụng máy trộn bê tông, cần cẩu, trụ số làm việc, máy đầm dùi. Số tiền khấu hao cơ bản TSCĐ và số trích trước sửa chữa lớn TSCĐ được tính và ghi sổ chi tiết của công trình :

Nợ TK 627.4: 8.607.840 (đ) – C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 214.1 : 5.263.920 (đ)

Có TK 335 : 3.343.920 (đ)

Cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết khấu hao TSCĐ của các tháng trong quý kế toán của công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” lập bảng tổng hợp khấu hao TSCĐ và trích trước sửa chữa lớn của quý đó.

Trích sổ chi tiết KH TSCĐ

Công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

Tên TSCĐ	Nguồn vốn	Nguyên giá TSCĐ (đ)	Tỷ lệ		Số tiền (đ)		Tổng cộng (đ)
			KH CB	TT SCL	KH CB	TT SCL	
Máy trộn bê tông	TBX	12.087.000	8%	4%	966.960	483.400	1.450.360
Cầu thiếu nhi	TBX	20.232.000	6%	3%	1.213.920	606.960	1.820.880
Máy đầm dùi	TBX	980.000	8%		78.400		78.400
Trụ sở làm việc	TBX	150.232.000	2%	1,5%	3.004.640	2.253.480	5.258.120
<b>Cộng</b>					<b>5.263.920</b>	<b>3.343.920</b>	<b>8.607.840</b>

*c/ Chi phí dịch vụ mua ngoài*

Chi phí bao gồm tiền điện nước, điện thoại, thuê ngoài các máy thi công...chi phí phát sinh ở công trình nào thì được tính vào chi phí sản xuất của công trình đó.

\* Tại công trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc” trong tháng 11/2010 có tình hình phát sinh chi phí dịch vụ mua ngoài như sau:

- Hoá đơn GTGT số 0081211 ngày 30/11/2010 thanh toán tiền điện cho công trình trong tháng bằng tiền mặt theo phiếu chi số 195(Biểu số 07) . Giá mua chưa thuế là 345.000 đồng, thuế GTGT 10%. Kế toán ghi sổ như sau:

Nợ TK 627.7: 345.000 đ -C trình “Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Nợ TK 133: 34.500 đ

Có TK 111: 379.500 đ

- Theo hợp đồng số 07 ngày 05/11/2010 công trình có thuê một số máy móc thiết bị thi công như máy xúc, máy ủi giá trị hợp đồng 3.500.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt theo phiếu chi số 151(Biểu 08) ngày 07/11/2010. Kế toán ghi sổ như sau:

Nợ TK 627.7: 3.500.000 –C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 111: 3.500.000

- Ngày 30/11/2010 Cô Dương thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2010 của công trình “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc ” bằng tiền mặt theo phiếu chi số 198(Biểu 09) số tiền chưa thuế là 312.182 đồng thuế GTGT 10%. Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 627.7 : 412.182 đ - C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Nợ TK 133 : 41.218 đ

Có TK 111 : 453.400 đ

\* Các chi dịch vụ thuê ngoài tại công trình “Trường tiểu học khu A xã Yên Hùng” phát sinh cũng hạch toán tương tự như trên.

#### *d/ Chi phí khác*

Chi phí này bao gồm chi phí giao dịch phô tô, in các tài liệu dùng cho công trình. Chi phí phát sinh thuộc công trình nào thì tính cho công trình đó số liệu được phản ánh trên sổ kế toán:

Nợ TK 627.8: - Chi tiết cho từng công trình

Có TK 111, 112

Trong tháng 11/2006 chi phí này không phát sinh tại công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Hùng**”

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để lập các chứng từ ghi sổ và ghi chép tình hình phát sinh của chi phí sản xuất chung trong tháng của công trình “**Nhà hiệu bộ xã Yên Hùng**” vào các sổ chi tiết, sổ cái TK 627.

Sau đây là các chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 627 – chi phí sản xuất chung của công trình “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Hùng** ”

Công ty TNHH MTV xây  
dựng dịch vụ Ngô Quyền

Mẫu số S02-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ chi tiết TK 627

Công trình : “ Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”

Tháng 11 năm 2010

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
Số	Ngày			Nợ	Có	
PC 151	07/11	Thanh toán cho hợp đồng thuê máy thi công	111	3.500.000		
PC 195	30/11	Thanh toán tiền điện	111	345.000		
PC 198	30/11	Thanh toán tiền điện thoại	111	412.182		
BTL	30/11	Lương phải trả nhân viên quản lý đội công trình	334	4.850.000		
	30/11	Lương phải trả nhân viên điều khiển máy thi công	334	2.500.000		
		Khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội	338	902.000		
		Khoản trích theo lương của nhân viên điều khiển máy	338	550.000		
KH	30/11	Trích khấu hao TSCĐ	214	5.263.920		
		Trích trước sửa chữa lớn TSCĐ	335	3.343.920		
		Kết chuyển chi phí SXC	154		21.667.022	
		<b>Cộng</b>		<b>21.667.022</b>	<b>21.667.022</b>	

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

- Trích chứng từ ghi sổ số 72 về chi phí sản xuất chung của công trình : “

**Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”**

**Công ty TNHH MTV xây  
dựng dịch vụ Ngô Quyền**

**Mẫu số S02-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC**

Chứng từ ghi sổ

Số : 72

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc”**

Đơn vị:đồng

<b>Trích yếu</b> (trích phần chi phí sản xuất chung)	<b>Số hiệu TK</b>		<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Nợ</b>	<b>Có</b>		
Thanh toán tiền dịch vụ thuê ngoài	627	111	4.257.182	
Thanh toán tiền lương nhân viên quản lý đội công trình và điều khiển máy thi công	627	334	7.350.000	
Khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội và điều khiển máy thi công vào chi phí	627	338	1.452.000	
Trích khấu hao TSCĐ	627	214	5.263.920	
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	627	335	3.343.920	
<b>Cộng</b>			<b>21.667.022</b>	

Chứng từ ghi sổ

Số : 73

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

Đơn vị:đồng

<b>Trích yếu</b> (trích phần chi phí sản xuất chung)	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí SXC	154	627	21.667.022	
<b>Cộng</b>			<b>21.667.022</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

- Trích sổ cái TK 627:

**Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Sổ cái

TK 627 – chi phí sản xuất chung

Tháng 11 năm 2010

Công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
72	30/11	Thanh toán tiền dịch vụ thuê ngoài	111	4.257.182	
		Thanh toán tiền lương nhân viên quản lý đội và điều khiển máy TC	334	7.350.000	
		Khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội vào chi phí	338	1.452.000	
		Trích khấu hao TSCĐ	214	5.263.920	
		Trích trước chi phí sửa chữa lớn	335	3.343.920	
73	30/11	Kết chuyển chi phí SXC	154		21.667.022
		<b>Cộng</b>		<b>21.667.022</b>	<b>21.667.022</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)



### **2.2.5- Tổng hợp chi phí cuối tháng cuối quý của công ty**

Các chi phí thực tế phát sinh trong tháng được theo dõi theo từng nghiệp vụ phát sinh trong tháng và ghi vào sổ , các sổ cái tài khoản liên quan, ngoài ra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất cho từng công trình được phản ánh trên sổ chi tiết của công trình

Căn cứ vào sổ chi tiết của từng công trình kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất theo từng khoản mục để làm cơ sở cho việc tổng hợp chi phí sản xuất trong tháng của công ty.

Căn cứ vào bảng tổng hợp chi phí của các tháng trong quý, kế toán tổng hợp các số liệu để lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất quý, đồng thời mỗi quý từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi vào sổ cái các TK 621, 622, 627, kế toán tổng hợp chi phí trên toàn công ty kết chuyển sang TK 154- chi phí sản xuất dở dang, để từ đó kết chuyển sang TK 632 – giá vốn hàng bán để tính giá thành thực tế toàn bộ công trình mà công ty hoàn thành trong kỳ.

Cụ thể là theo bảng tổng hợp chi phí sản xuất dở dang của công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” các tháng trước và bảng tổng hợp các chi phí tháng 11 năm 2010.

Chi phí sản xuất đầu tháng 11 năm 2010 của công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” là : 368.653.396 (đ) trong đó:

- Chi phí nguyên vật liệu: 231.392.037 đồng
- Chi phí nhân công: 80.987.312 đồng
- Chi phí máy: 17.354.402 đồng
- Chi phí chung: 38.919.645 đồng

Sổ chi tiết chi phí sản xuất

Tháng 11 năm 2010

Công trình : “ Nhà hiệu bộ xã yên Lạc”

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng cộng (đồng)	Chi phí (đồng)		
Số	Ngày tháng				NVL	NC	Chung
		Xuất kho vật tư dùng cho công trình	152	53.435.000	53.435.000		
		Mua vật tư xuất thống cho công trình	111	16.473.600	16.473.600		
		Mua vật tư xuất thống cho công trình	331	90.961.400	90.961.400		
		Thanh toán khối lượng hoàn thành	111	23.981.000		23.981.000	
		Thanh toán lương trực tiếp công trình	111	3.575.000		3.575.000	
		Khấu hao máy móc thiết bị	214	5.263.920			5.263.920
		Số trích trước sửa chữa lớn	335	3.343.920			3.343.920
		Thanh toán hợp đồng dịch vụ thuê ngoài	111	4.257.182			4.257.182
		Thanh toán lương nhân viên quản lý đội công trình, điều khiển máy và khoản trích theo lương	334	7.350.000			7.350.000
			338	1.452.000			1.452.000
		<b>Cộng</b>		<b>210.093.022</b>	<b>160.870.000</b>	<b>27.556.000</b>	<b>21.667.022</b>

**Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**  
**Sổ cái**

TK 154 – chi phí sản xuất dở dang

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

**Đơn vị: đồng**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				368.653.396	
	30/11	Kết chuyển chi phí NVLTT	621	152.962.000			
		Kết chuyển chi phí NCTT	622	<b>27.556.000</b>			
		Kết chuyển chi phí SXC	627	21.667.022			
		Giá thành sản phẩm hoàn thành	632		570.838.418		

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Trong kỳ khi hoàn thành công trình bàn giao kết chuyển giá trị hàng bán theo giá thành công trình kế toán ghi :

Nợ TK 632: chi tiết từng công trình

Có TK 154:

Trong tháng 11 công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” hoàn thành với tổng giá thành là : 570.838.418 đồng . Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 632: : 570.838.418 đồng – C trình nhà hiệu bộ xã Yên Lạc

Có TK 154: 570.838.418 đồng

### **2.2.6- Đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Để tính toán giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ đòi hỏi phải xác định được chi phí thực tế của khối lượng xây lắp làm dở cuối kỳ.

Cuối mỗi quý đại diện phòng quản lý kỹ thuật công trình cùng với kỹ thuật công trình kiểm kê, xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ từng công việc cụ thể. Sau đó bộ phận thống kê của phòng kỹ thuật sẽ nộp đơn giá dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ tương ứng.

Sau khi nhận được bảng kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của phòng kỹ thuật gửi sang thì phòng kế toán tiến hành xác nhận chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang kỳ theo công thức

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thực tế} \\ \text{của khối} \\ \text{lượng} \\ \text{xây lắp} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của khối lượng} \\ \text{xây lắp dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của khối lượng} \\ \text{xây lắp phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{xây lắp hoàn} \\ \text{thành bàn giao} \end{array}} + \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}} \times$$

Trong quý 4 công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**” không có khối lượng xây dựng dở dang. Bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành tổng hợp chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của tất cả các công trình mà công ty thực hiện trong kỳ kế toán thì kế toán ghi vào các sổ tài khoản liên quan như sổ cái TK 154, 632.

### **2.2.7- Tính giá thành xây dựng ở Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền**

Cuối quý sau khi xác định được số liệu tổng hợp về chi phí sản xuất, chi phí thực tế của khối lượng xây dựng dở dang thì kế toán tiến hành tính giá thành của sản phẩm xây dựng hoàn thành

Đối tượng tính giá thành là từng công trình hoàn thành. Để thực hiện việc tính giá thành hợp lý Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền tính giá thành theo phương pháp trực tiếp đối với khối lượng xây dựng hoàn thành.

Công thức tính giá thành sản phẩm trực tiếp.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây dựng} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất xây lắp} \\ \text{dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất xây lắp} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất xây lắp} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Ví dụ: Công trình : “ **Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc**”

áp dụng công thức tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành ta có:

Giá thành thực tế

$$\text{công trình “} \mathbf{Nhà} = 368.653.396 + ( 152.962.000 + 27.556.000 + 21.667.022 ) - 0$$

$$\mathbf{hiệu bộ xã Yên} = 570.838.418 \text{ đồng}$$

**Lạc**”

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY DỰNG Ở CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG DỊCH VỤ NGÔ QUYỀN**

### **3.1 Đánh giá chung về thực trạng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty**

Trong thời gian thực tập tại công ty, qua nghiên cứu tình hình thực tế việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng ở công ty, tôi rút ra một số nhận xét sau :

#### **3.1.1 Ưu điểm.**

Công ty đã tổ chức một bộ máy kế toán theo hình thức tập trung rất gọn nhẹ, đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty và phù hợp với cơ chế mới hiện nay. Ở đây kế toán vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là phù hợp với quy mô và đặc điểm sản xuất của Công ty cũng như phù hợp với trình độ của đội ngũ kế toán. Các nhân viên kế toán đều có trình độ chuyên môn , được phân công thực hiện các phân hành phù hợp với trình độ, khả năng của từng người. Việc hạch toán được tiến hành một cách thường xuyên và có nề nếp, đảm bảo cung cấp số liệu đầy đủ và rõ ràng phục vụ tốt cho công tác quản lý và kiểm tra.

Mặt khác kế toán ở Công ty còn biết vận dụng một cách linh hoạt lý luận vào thực tế để phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới và điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Cụ thể Công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với những lao động có tay nghề cao, ngoài ra Công ty còn chia lao động thành lao động trong hợp đồng và lao động ngoài hợp đồng để động viên, huy động lao động được linh hoạt.

Phòng kế toán của Công ty với những nhân viên có trình độ năng lực, nhiệt tình, trung thực cùng với trang bị phần mềm kế toán trên máy vi tính nên đã góp phần đắc lực vào công tác kế toán và quản lý kinh tế của Công ty, do đó đã cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty và cơ quan quản lý kịp thời hơn, để

hiệu hơn. Các chỉ tiêu kết cấu báo cáo kế toán tài chính phù hợp với chuẩn mực và thông lệ kế toán quốc tế nên báo cáo đã phục vụ tốt cho việc lập hồ sơ đấu thầu. Mặt khác việc trang bị phần mềm kế toán trên máy vi tính đã giảm phần lớn công việc ghi chép thủ công.

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nhìn chung đã đi vào nề nếp. Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình theo từng quý là hoàn toàn hợp lý, có căn cứ khoa học, phù hợp với điều kiện sản xuất thi công của Công ty phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo sản xuất, quản lý giá thành và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên vì đang ở những năm đầu của quá trình thực hiện hạch toán theo chế độ kế toán mới nên công tác kế toán ở Công ty tất yếu không tránh khỏi những khó khăn, tồn tại nhất định nhất là trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng.

### **3.1.2 Nhược điểm**

Việc tập hợp chi phí sản xuất phụ thuộc vào việc thu thập chứng từ và lập bảng tổng hợp từ các công trình do kế toán đội xây dựng gửi lên Công ty theo định kỳ hàng tháng. Do đó số liệu cần tập hợp đôi khi bị chậm trễ. Chứng từ gửi về chậm chủ yếu là do công trình ở xa Công ty, không có điều kiện về thường xuyên. Mặt khác phần lớn các công việc ở công trình đều dồn vào cuối tháng cho nên kế toán đội không giải quyết kịp thời trong thời gian ngắn.

Chi phí sản xuất chung còn hạch toán một cách chung chung, các khoản mục không được theo dõi chi tiết, cụ thể và không được phân chia thành từng khoản mục để hạch toán vào tài khoản cấp II, gây khó khăn cho việc quản lý và phân tích chi phí.

Công cụ, dụng cụ và vật tư luân chuyển như: cốp pha, xà gồ,... là những thứ mà giá trị của nó được chuyển dần vào chi phí sản xuất qua nhiều kỳ sản xuất. Do đó việc xuất chúng vào công trình một lần như vậy là chưa hợp lý.

Những loại vật tư trên công trình (ngoài kho) thường có hao hụt do ảnh

hưởng của thời tiết và cả do không được thu gom thường xuyên nhưng vẫn được tính vào công trình một lần cuối làm tăng chi phí sản xuất so với thực tế.

Ngoài ra việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp với ngành xây dựng cơ bản nói chung và với Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền nói riêng thì cuối tháng kết chuyển tất cả vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh là không phù hợp bởi doanh thu thất thường, sản phẩm dở dang lớn, do vậy chỉ nên hạch toán vào tài khoản 911 phần tương ứng tỷ lệ giữa doanh thu trong tháng và giá trị sản lượng thực hiện trong tháng, phần còn lại hạch toán vào sản phẩm dở dang. Có như thế thì mới hạch toán đúng kết quả sản xuất kinh doanh của mỗi Công ty.

### **3.2 Các giải pháp hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty**

Xuất phát từ thực tế đã được nghiên cứu trong thời gian thực tập vừa qua tôi xin có một vài ý kiến đề xuất với mong muốn góp phần nhỏ bé của mình vào quá trình củng cố và hoàn thiện công tác hạch toán của Công ty nói chung và của công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng nói riêng.

Để cho công tác tập hợp chi phí sản xuất được kịp thời kế toán đội cần có biện pháp bố trí công việc một cách hợp lý để đảm bảo nộp chứng từ về công ty đúng định kỳ theo quy định.

Cụ thể như việc nhập xuất vật tư cần tiến hành đều đặn hàng ngày như viết phiếu nhập, phiếu xuất và vào sổ chi tiết,...

Việc tính lương sản phẩm cũng cần tiến hành ngay sau khi có bản nghiệm thu khối lượng với các tổ thợ để tránh dồn nhiều việc vào cuối tháng.

#### **Kiến nghị 1:**

- Về công tác hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:

Hiện nay, Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền sử dụng hai tài khoản để hạch toán các khoản tiền công, tiền lương của công nhân viên. Đó là tài khoản 331 Phải trả cho người bán và tài khoản 334 Phải trả công nhân viên.



+ Tài khoản 334 Phải trả công nhân viên được áp dụng đối với số công nhân trực tiếp trong danh sách, công nhân gián tiếp và bộ máy quản lý Công ty. Khi đã thanh toán, kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 334

Có TK 111

+ Tài khoản 331 Phải trả cho người bán được áp dụng đối với số công nhân trực tiếp thuê ngoài. Khi nhận được bảng thanh toán khối lượng thuê ngoài của từng tổ sản xuất ở từng công trình kế toán sẽ ghi vào bảng kê chi tiết và ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 622 (Chi tiết theo từng đối tượng)

Có TK 331 (Chi tiết)

Khi đã thanh toán kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 331 (chi tiết)

Có TK 111

Với cách hạch toán như trên của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền vẫn đảm bảo tính đủ cho chi phí nhân công trực tiếp. Nhưng việc theo dõi phần thanh toán cho công nhân viên sẽ gặp một số khó khăn vì cùng một lúc, kế toán công ty phải theo dõi những khoản thanh toán, tạm ứng, những khoản chưa thanh toán cho công nhân viên trên cả hai tài khoản. Như vậy gây nhiều phiền hà cho việc ghi sổ, mặt khác TK 331 không chỉ bao gồm khoản phải trả tiền công cho công nhân thuê ngoài mà còn nhiều khoản khác (như chi phí thuê máy chưa trả tiền,...)

Do vậy để thuận tiện cho việc thanh toán với công nhân viên, kế toán công ty nên sử dụng chung một tài khoản là TK 334 Phải trả công nhân viên. Khi đó, đối với chi phí nhân công thuê ngoài khi nhận được bảng thanh toán khối lượng thuê ngoài, kế toán công ty ghi sổ theo định khoản.

Nợ Tk 622 (chi tiết theo từng đối tượng)

Có TK 334 (chi tiết)

Khi thanh toán tiền công cho công nhân thuê ngoài, kế toán sẽ ghi theo định khoản:

Nợ TK 334

Có TK 111

Ngoài ra việc tính chi phí tiền lương cho công nhân trực tiếp sản xuất nhất là đội ngũ thợ bậc cao, Công ty nên có chế độ đãi ngộ thích hợp hơn nữa để khuyến khích họ trong công việc nhằm tăng năng suất lao động và họ ổn định tư tưởng gắn bó với công việc và với Công ty. Công ty cũng nên có sự thay đổi đơn giá tiền lương sao cho phù hợp năng lực của mỗi người, mỗi công nhân có bậc thợ khác nhau, có hệ số khác nhau.

Việc giao khoán công việc mà cấp bậc công nhân phù hợp với cấp bậc công việc sẽ đảm bảo công việc hoàn thành theo đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu chất lượng và sẽ tránh được tình trạng công việc phải phá đi làm lại tiêu hao chi phí nhân công làm tăng giá thành công trình.

**Kiến nghị 2: Hạch toán xuất công cụ dụng cụ:**

Khi xuất công cụ dụng cụ và vật tư luân chuyển (cốp pha dàn giáo) cần theo dõi riêng và căn cứ vào tỷ lệ hợp lý để phân bổ cho phù hợp như: số liệu xuất công cụ dụng cụ và cốp pha của công trình Nhà hiệu bộ xã Yên Lạc đã được hạch toán là:

Nợ TK 621

Có TK 153

Phải hạch toán lại là:

Nợ TK 142 (1421)

Có TK 152

Có TK 153

Sau đó hàng tháng phân bổ theo tỷ lệ thích hợp như: (cốp pha 50%, công cụ dụng cụ 30%) kế toán ghi:

Nợ TK 621

Có TK 142 (1421)

Về phía chủ quan cần có biện pháp bảo quản tốt số vật liệu để ngoài kho để tránh hao hụt. Số hao hụt do khách quan (thời tiết) cần phải phân bổ cho các lần xuất cùng chịu theo tỷ lệ hợp lý tránh dồn vào lần xuất cuối cùng làm cho chi phí kỳ đó bị tăng bất hợp lý.

Như vậy trong bảng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành ở các cột khoản mục vật liệu, nhân công, chi phí sản xuất chung đều chia ra thành các cột nhỏ để thể hiện chi phí sử dụng máy.

Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây dựng cơ bản nên công ty không tổ chức kho vật liệu chung tại công ty mà các kho vật liệu được công ty bố trí tại từng công trình. Nên đối với các công trình xây dựng đều có kho vật liệu tương ứng, trong khi đó công ty lại tổ chức thi công ở nhiều nơi khác nhau, tại các địa điểm khác nhau và theo dõi vật tư ở từng kho công trình là thường xuyên. Do đó việc theo dõi vật tư tại kho công trình Phòng kế toán công ty là rất khó khăn và phức tạp. Để phù hợp với phương pháp hạch toán của công ty, kế toán của công ty nên quản lý chi phí nguyên vật liệu theo từng phiếu xuất kho. Cuối tháng dựa trên cơ sở các phiếu xuất kế toán tổng hợp được toàn bộ chi phí nguyên vật liệu xây dựng cho từng công trình.

Ở Công ty các chi phí vật liệu phục vụ thi công như sắt, xi măng được bảo quản trong kho và được xuất ra để phục vụ thi công nhưng công ty đã không sử dụng tài khoản 152 Chi phí nguyên vật liệu để hạch toán giá trị nguyên vật liệu mua vào trong kỳ, giá trị nguyên vật liệu xuất dùng, giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ mà hạch toán thẳng vào tài khoản 621 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Do đó tài khoản 621 không những phản ánh giá trị nguyên vật liệu tính vào chi phí sản xuất kinh doanh mà phản ánh cả giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị nguyên vật liệu mua vào trong kỳ.

Vậy việc theo dõi hạch toán tình hình nhập xuất tồn kho vật liệu chưa được thuận tiện và rõ ràng.

Để khắc phục hạn chế này theo em Công ty nên mở tài khoản cấp 2 của tài khoản 152.

Tài khoản 1521 Thiết bị cần lắp

Tài khoản 1522 Vật liệu xây dựng.

Khi mua vật tư về nhập kho công trình, kế toán ghi:

Nợ TK 152 (chi tiết 1521, 1522)

Có TK 141, 111, 112, 331, ...

Khi xuất dùng cho thi công, công trình căn cứ vào chứng từ xuất kho kế toán ghi:

Nợ TK 621

Có TK 152 (chi tiết 1521, 1522)

Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu tính vào chi phí sản xuất kinh doanh kế toán ghi:

Nợ TK 154

Có Tk 621

Các trường hợp khác cũng nên hạch toán tương tự.

### **Kiến nghị 3: Về tổ chức hệ thống tài khoản kế toán tập hợp chi phí.**

Để phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và để tạo điều kiện cho việc tính toán, phân tích giá thành sản phẩm xây dựng trong kỳ của công ty, ngoài việc tập hợp chi phí sản xuất theo các khoản mục, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Theo em giải pháp lớn hiện nay của Công ty nên hạch toán riêng khoản mục chi phí sử dụng máy thi công.

Như vậy, khi tập hợp chi phí sản xuất vào các tài khoản tập hợp chi phí sản xuất, công ty nên chia các tài khoản 621, 622, 627 thành các tài khoản cấp hai như sau:

- TK 621 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, ván cốp pha giàn giao dùng cho xây dựng của doanh nghiệp.

Tài khoản này sẽ được chia ra hai tài khoản cấp hai như sau:

TK 6211 : Chi phí nhiên liệu dùng cho máy thi công.

TK 6212 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây dựng.

- TK 622 Chi phí nhân công trực tiếp dùng để tập hợp chi phí về tiền lương, tiền công của công nhân trực tiếp sản xuất kể cả công nhân điều khiển máy thi công, tài khoản này cũng được chia ra hai tài khoản cấp hai:

TK 6221 : Chi phí nhân công điều khiển máy thi công

TK 6222 : Chi phí nhân công trực tiếp xây dựng

- TK 627 Chi phí sản xuất chung có các tài khoản cấp hai để phản ánh từng yếu tố chi phí.

TK 6271 Chi phí nhân viên phân xưởng, được dùng để phản ánh chi phí tiền lương chính, lương phụ của đội trưởng, đội phó sản xuất, chi phí BHXH của công nhân trực tiếp sản xuất.

TK 6272 Chi phí vật liệu

TK 6273 Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 Chi phí khấu hao TSCĐ

Đối với doanh nghiệp xây dựng cần chia tài khoản 6274 ra hai tài khoản cấp 3 như sau:

TK 62741 Khấu hao máy móc thi công

TK 62742 Chi phí khấu hao TSCĐ khác

TK 6277 Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 Chi phí bằng tiền khác

## KẾT LUẬN

Kế toán nói chung là công cụ quản lý kinh tế và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần phải luôn cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và cơ chế mới. Phát huy triệt để chức năng của công tác kế toán là giám đốc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty một cách liên tục, toàn diện, có hệ thống. Trên cơ sở đó công tác kế toán phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng có hiệu quả hơn và thực hiện tốt chế độ hạch toán kinh doanh XHCN. Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền với công tác tập hợp chi phí và tính giá thành công tác xây lắp tuy có nhiều ưu điểm xong vẫn tồn tại một số nhược điểm nhất định. Những kiến nghị mà tôi nêu ra trên đây không ngoài mục đích góp một phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công tác xây lắp nhằm tăng cường công tác hạch toán sản xuất kinh doanh, tính đúng tính đủ chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm. Với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ nhân viên kế toán có đầy đủ trình độ và năng lực với tinh thần trách nhiệm cao, tiếp thu kịp thời, nhạy bén với sự đổi mới nhất định công tác kế toán của công ty sẽ ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả, đời sống của Cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện. Mặc dù đã có nhiều cố gắng song trình độ và kinh nghiệm còn có hạn, thời gian tiếp xúc với công việc kế toán chưa được nhiều nên đề tài thực tập của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo trong khoa. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của các thầy cô giáo trong khoa kế toán cùng toàn thể các bác các cô, chú trong phòng kế toán của công ty đã giúp em hoàn thành đề tài này.

**Em xin chân thành cảm ơn !**

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>- 1 -</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP .....</b>	<b>- 3 -</b>
1.1 - Đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp .....	- 3 -
1.1.1- Đặc điểm của hoạt động kinh doanh xây lắp.....	- 3 -
1.1.2- Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ..	- 4 -
1.1.3- Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	- 4 -
1.1.4- Vai trò của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay. ....	- 5 -
1.2- Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	- 6 -
1.2.1- Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	- 6 -
1.2.1.1- Khái niệm chi phí sản xuất .....	- 6 -
1.2.1.2- Phân loại chi phí sản xuất .....	- 7 -
1.2.2- Giá thành của sản phẩm xây lắp .....	- 10 -
1.2.2.1- Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp .....	- 10 -
1.2.2.2- Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.....	- 10 -
1.2.2.3- Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp ..	- 13 -
1.2.3- Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành.....	- 14 -
1.2.3.1- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	- 14 -
1.2.3.2- Đối tượng tính giá thành .....	- 14 -
1.2.3.3- Phân biệt đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành ....	- 15 -
1.2.4- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, xác định giá trị sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây dựng. ....	- 16 -
1.2.4.1- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	- 16 -
1.2.4.2- Xác định giá trị sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp .....	- 16 -
1.2.4.3- Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây dựng.....	- 18 -

1.3- Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm..	- 20 -
1.3.1- Nguyên tắc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	- 20 -
1.3.2- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	- 21 -
1.3.2.1 Tổ chức hệ thống chứng từ và hạch toán ban đầu với chi phí sản xuất. .	- 21 -
1.3.2.2 Tổ chức hệ thống sổ kế toán để ghi chép, tập hợp chi phí sản xuất. .	- 21 -
1.3.2.3 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	- 22 -
1.3.2.4- Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....	- 33 -
1.3.3- Tổ chức kế toán tính giá thành sản xuất sản phẩm .....	- 36 -
1.3.3.1- Tài liệu để tính giá thành sản phẩm .....	- 36 -
1.3.3.2- Tổ chức hệ thống sổ kế toán( bảng tính giá thành) để tính giá thành sản phẩm xây dựng. ....	- 36 -
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG DỊCH VỤ NGÔ QUYỀN</b> .....	- 37 -
2.1- Khái quát về Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền .....	- 37 -
2.1.1- Quá trình hình thành và phát triển .....	- 37 -
2.1.2- Đặc điểm tổ chức bộ máy. ....	- 38 -
2.1.3- Chức năng và nhiệm vụ .....	- 41 -
2.1.4- Đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền .....	- 42 -
2.1.5- Đặc điểm quy trình sản xuất của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền .....	- 42 -
2.1.6- Trình tự ghi và hạch toán của Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền .....	- 43 -
2.2- Thực trạng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền.....	- 45 -



2.2.1- Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp .....	- 45 -
2.2.1.1- Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	- 45 -
2.2.1.2- Đối tượng tính giá thành .....	- 46 -
2.2.2- Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu của công ty.....	- 46 -
2.2.2.1- Trường hợp nguyên vật liệu xuất từ kho công ty. ....	- 47 -
2.2.2.2- Trường hợp nguyên vật liệu xuất thẳng không qua kho.....	- 51 -
2.2.2.3- Trường hợp vật liệu luân chuyển.....	- 53 -
2.2.2.4- Trường hợp vật tư không dùng hết. ....	- 53 -
2.2.3- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty.....	- 61 -
2.2.4- Kế toán chi phí sản xuất chung.....	- 72 -
2.2.5- Tổng hợp chi phí cuối tháng cuối quý của công ty.....	- 81 -
2.2.6- Đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền .....	84
2.2.7- Tính giá thành xây dựng ở Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ Ngô Quyền .....	84
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY DỰNG Ở CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG DỊCH VỤ NGÔ QUYỀN ....</b>	<b>86</b>
3.1 Đánh giá chung về thực trạng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty.....	86
3.1.1. Ưu điểm.....	86
3.1.2. Nhược điểm.....	87
3.2 Các giải pháp hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty.....	88
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>94</b>